

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số 01012026/YK - DA

Căn cứ:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nhu cầu và khả năng thực tế của hai Bên,

Hôm nay, ngày 01 tháng 01 năm 2026, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

Đại diện : (Ông) **MORITA TOSHIMITSU** Chức vụ : Trưởng phòng kinh doanh
(theo giấy ủy quyền số 2104/2025/TGD – UQ - JP ngày 21 tháng 04 năm 2025)

Địa chỉ : Ô 2, Lô 4, Cụm công nghiệp Lai Xá, Xã Hoài Đức, TP. Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 024 37921250

Mã số thuế : 3700723994-002

Tên tài khoản : CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

Số tài khoản : 103453009 tại : Ngân Hàng TMCP Á Châu ACB, Hà Nội

BÊN B : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH

Đại diện : (Bà) **NGUYỄN THỊ LƯƠNG** Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Thôn Bạch Liên, xã Hồng Vân, thành phố Hà Nội

CCCD : 001185014092

Mã số thuế : 0108469365

Điện thoại : 0985311786

(Sau đây gọi tắt là **Bên A**, **Bên B** hoặc **Các Bên**)



Sau khi bàn bạc thống nhất, Các Bên đồng ý ký kết Hợp đồng Mua bán hàng hóa với các điều khoản như sau:

ĐIỀU 1: TÊN HÀNG – GIÁ CẢ

1.1 Bên A đồng ý bán và Bên B đồng ý mua sản phẩm “Sữa uống lên men Yakult – nhãn hiệu Nhật Bản” do Bên A sản xuất, phân phối để phục vụ cho mục đích sử dụng và phạm vi sử dụng của Bên B nêu dưới đây :

a. Mục đích sử dụng: Sử dụng vào khẩu phần ăn của đối tác Bên B.

b. Phạm vi sử dụng: Trong hệ thống đối tác của Bên B.

1.2 Trường hợp có các thay đổi về loại hàng hóa, đơn giá bán, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản trước 15 ngày và Bên B chấp thuận mới được áp dụng. Các thông báo về thay đổi loại hàng hóa, giá bán được xem như một phần không tách rời hợp đồng này.

1.3 Giá bán theo bảng báo giá của Bên B đính kèm hợp đồng này.

ĐIỀU 2: CHẤT LƯỢNG - BAO BÌ - ĐÓNG GÓI.

2.1 *Chất lượng*: Bên A cam kết :

a. Cung cấp sản phẩm phải đúng với tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký.

b. Đảm bảo sản phẩm phù hợp với các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm quy định bởi pháp luật Việt Nam.

c. Đảm bảo chất lượng sản phẩm và bao bì đến người tiêu dùng.

2.2 *Hạn sử dụng*: Hạn sử dụng 40 ngày kể từ ngày sản xuất.

2.3 *Nhãn sản phẩm*: Đáp ứng các yêu cầu về việc dán nhãn hàng hóa theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa

2.4 *Nguồn gốc xuất xứ*: Đối với sản phẩm sản xuất và đóng gói tại Việt Nam, Bên A sẽ cung cấp các giấy tờ liên quan đến việc đăng ký chất lượng sản phẩm tại các cơ quan chức năng theo quy định của luật pháp. Đối với sản phẩm nhập khẩu, Bên A phải cung cấp cho Bên B chứng từ nhập khẩu, nguồn gốc xuất xứ của sản phẩm, dán tem và dán nhãn sản phẩm nhập khẩu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.5 *Quy cách đóng gói*: Sản phẩm được đóng gói bao bì, ký mã hiệu theo quy cách đã được Bên B chấp nhận trong Thư báo giá hoặc theo Catalogue. Nếu Bên A có sự thay đổi về quy cách, bao bì, trọng lượng và dung tích đóng gói sản phẩm thì phải được Bên B xác nhận trước bằng văn bản.

2.6 *Mã vạch*: Sản phẩm phải được ghi mã vạch trên bao bì bên ngoài sản phẩm

2.7 *Hợp pháp*: Bên A đảm bảo sản phẩm giao cho Bên B hoàn toàn hợp pháp, thuộc quyền sở hữu của Bên A, không có bất kỳ sự tranh chấp nào về luật pháp với bất cứ lý do gì.

ĐIỀU 3: ĐẶT HÀNG - GIAO HÀNG

3.1 *Phương thức đặt hàng*: Bên B sẽ gửi đơn đặt hàng cho Bên A qua hộp thư điện tử: dathang-hanoi@yakult.vn hoặc gọi điện thoại trực tiếp đến bộ phận nhận đơn hàng : 0243.792.1250 – máy lẻ 108.

3.2 *Thời gian đặt hàng*: Bên B phải gửi đơn đặt hàng trước 48 giờ so với ngày yêu cầu giao hàng trên đơn đối với tất cả các ngày làm việc trong tuần, trừ ngày Chủ nhật và các ngày Lễ.

3.3 *Chứng từ giao hàng*: Bên A sẽ thực hiện xuất hóa đơn đầy đủ và cùng với biên bản giao nhận hàng hóa cho Bên B.

3.4 *Địa điểm giao hàng*: Bên A sẽ thực hiện giao hàng cho Bên B tại địa điểm mà Bên B mong muốn hoặc theo phụ lục hợp đồng này

3.5 *Thời gian giao hàng* : Bên A sẽ giao hàng cho Bên B trong 72 giờ các ngày trong tuần (trừ ngày lễ), hoặc thỏa thuận nếu phát sinh.

3.6 *Đơn hàng tối thiểu* : Đơn hàng tối thiểu là 50 chai trên 1 lần giao hàng.

a. Khi nhận hàng, Bên B phải kiểm tra và xác nhận số lượng, ngày sản xuất (NSX), hạn sử dụng (HSD) của sản phẩm :

- Đối với sản phẩm còn nguyên bao gói thì sẽ kiểm tra NSX, HSD trên bao gói,
- Đối với sản phẩm giao lẻ theo chai thì sẽ kiểm tra NSX và HSD trên từng chai,

- b. Sau khi đã kiểm tra đủ số lượng, đúng ngày sản xuất, đúng hạn sử dụng thể hiện trên phiếu giao hàng, thì Bên B sẽ tiến hành ký xác nhận vào phiếu giao hàng của Bên A.

3.7 Phát sinh điểm giao hàng mới: Trong trường hợp bên B phát sinh thêm điểm giao hàng mới thuộc hệ thống của Bên B, thì Bên B gửi mail thông báo cho Bên A bằng văn bản trước 15 ngày và gửi về địa chỉ mail đã được nêu tại điều 3.1 của hợp đồng này.

ĐIỀU 4: ĐỔI HÀNG

Quy tắc đổi hàng: Bên A đồng ý đổi cho Bên B trong trường hợp hàng Bên A giao cho Bên B bị hư hỏng trong quá trình vận chuyển hoặc quá hạn sử dụng và phải được xác nhận là do lỗi của Bên A. Bên A không có trách nhiệm đổi lại những hàng đã hư hỏng hoặc hết hạn sử dụng do lỗi của Bên B.

ĐIỀU 5: THANH TOÁN

5.1 Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của Bên A đã nêu ở phần thông tin của Bên A.

5.2 Thời hạn thanh toán: Thanh toán vào ngày 10 hàng tháng cho toàn bộ hóa đơn phát sinh trong tháng trước. Nếu ngày thanh toán trùng vào ngày Nghỉ, ngày Lễ thì ngày thanh toán sẽ được mặc định là ngày làm việc liền kề sau đó.

5.3 Phạt thanh toán trễ: Sau 30 ngày kể từ ngày phải thanh toán tiền hàng (đã được quy định tại Điều 5.2 ở trên), nếu Bên B vẫn chưa thanh toán cho Bên A thì Bên A sẽ tính phạt trả chậm đối với số tiền hàng Bên B chưa thanh toán. Mức phạt là 0.05%/ngày tính cho toàn bộ số tiền Bên B còn nợ Bên A, đem nhân cho số ngày Bên B trễ hạn thanh toán (là số ngày tính từ ngày đáo hạn thanh toán quy định tại Điều 5.2 cho đến ngày Bên B thực hiện việc thanh toán). Trong trường hợp này, Bên B có trách nhiệm phải thanh toán đầy đủ cả tiền hàng lẫn tiền phạt trả chậm cho Bên A.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ MỖI BÊN

6.1 Quyền và nghĩa vụ của Bên A :

- a. Đảm bảo chất lượng hàng hóa theo tiêu chuẩn đã đăng ký với nhà nước;
- b. Chịu trách nhiệm trước cơ quan thẩm quyền và người tiêu dùng về nguồn gốc, phẩm chất, chất lượng, trọng lượng ghi trên bao bì hàng hóa. Mọi khiếu nại tranh chấp liên quan đến quy cách và chất lượng sản phẩm (nếu có) do Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm;
- c. Thực hiện bồi thường thiệt hại, thực hiện các trách nhiệm pháp lý khác đối với người sử dụng sản phẩm gặp biến cố và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan nếu lỗi được xác nhận bởi cơ quan chức năng có thẩm quyền là do Bên A;
- d. Có trách nhiệm đổi lại hàng kém chất lượng, hàng hư hỏng (được xác định là do lỗi của Bên A).
- e. Không có trách nhiệm đổi trả đối với sản phẩm hư hỏng và sản phẩm hết hạn sử dụng do lỗi của Bên B trong quá trình lưu kho, bảo quản và sử dụng.
- f. Có toàn quyền đình chỉ việc giao hàng hoặc chấm dứt hợp đồng với Bên B khi:
 - Bên A phát hiện Bên B sử dụng sản phẩm do Bên A cung cấp khác với mục đích và phạm vi khác với quy định tại ĐIỀU 1 của hợp đồng này.
 - Bên B không thanh toán cho Bên A theo đúng ĐIỀU 5 của hợp đồng này.

6.2 Quyền và nghĩa vụ của Bên B :

- g. Thanh toán cho Bên A đúng theo quy định tại ĐIỀU 5 của hợp đồng này.
- h. Thực hiện gửi đơn hàng theo đúng quy định tại ĐIỀU 3.2 của hợp đồng này.
- i. Thông báo cho Bên A khi thấy hàng của Bên A có dấu hiệu bị hư hỏng.
- j. Bảo quản hàng hóa của Bên A trong tủ mát khi Bên B chưa sử dụng.
- k. Chỉ sử dụng hàng hóa Bên A cung cấp đúng mục đích sử dụng và phạm vi sử dụng đã nêu tại ĐIỀU 1 của hợp đồng này. Nếu Bên B sử dụng sản phẩm Yakult sai mục đích và phạm vi sử dụng thì ngoài việc phải thanh toán cho Bên A tất cả tiền hàng đã phát sinh công nợ, Bên B phải chịu phạt 8% trên giá trị nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 7: THỜI HẠN HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

7.1 *Thời hạn hiệu lực hợp đồng:* Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

7.2 *Gia hạn hợp đồng :* Hợp đồng sẽ được tự động gia hạn liên tiếp từng giai đoạn mười hai (12) tháng trừ khi một bên có quyết định mong muốn chấm dứt bằng văn bản. Văn bản quyết định chấm dứt gia hạn phải gửi đến bên kia trong thời hạn chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày hết hạn.

7.3 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất kì sự thay đổi nào thì hai bên phải thông báo cho nhau bằng văn bản hoặc lập phụ lục hợp đồng.

ĐIỀU 8: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

8.1 Hợp đồng có thể chấm dứt trước thời hạn theo yêu cầu của một trong hai bên và bên muốn chấm dứt phải báo cho bên kia bằng văn bản trước ít nhất 30 ngày.

8.2 Khi chấm dứt hợp đồng, hai bên cùng lập Biên bản đối chiếu công nợ và Biên bản thanh lý Hợp đồng trong vòng 10 ngày làm việc.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

9.1 Hai bên cam kết không tiết lộ, cung cấp, chuyển nhượng (bằng lời nói, văn bản, thông qua phương tiện thông tin đại chúng, trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc dưới bất kỳ hình thức nào khác) các thông tin, tài liệu, dữ liệu, bí mật trong kinh doanh của bên kia trong khi thực hiện Hợp đồng này cho người thứ ba nếu không được sự chấp thuận trước bằng văn bản của bên kia.

9.2 Cam kết sử dụng hàng hóa theo đúng mục đích được nêu tại ĐIỀU 1.1 của hợp đồng này.

9.3 Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những điều thỏa thuận trong hợp đồng. Trong trường hợp một bên vi phạm, bên kia có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng.

9.4 Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có phát sinh tranh chấp, hai bên sẽ cùng thương lượng để giải quyết trên tinh thần hợp tác hai bên cùng có lợi. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì vụ việc sẽ được đưa ra Tòa án Kinh tế TP Hà Nội để giải quyết

và phán quyết của Tòa án Kinh tế TP Hà Nội sẽ có giá trị sau cùng.

9.5 Hợp đồng được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



MORITA TOSHIMITSU
(Trưởng phòng kinh doanh)

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lương



CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM

Nhà máy

SỐ 5, ĐAI LỘ TỰ DO, KCN VIỆT NAM-SINGAPORE
PHƯỜNG BÌNH HOÀ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH,
VIỆT NAM

MST: 3700723994

Website: www.yakult.vn

CN CTY TNHH YAKULT VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

Ô 2, Lô 4, Cụm công nghiệp Lai Xá, Xã Hoài Đức, Thành phố Hà
Nội, Việt Nam.

MST: 3700723994-002

Tel: (024). 37921250 Fax: (024). 37921255

Email: dathang-hanoi@yakult.vn

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi : CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM ĐĂNG ANH

Đầu tiên, Công ty Yakult Việt Nam xin gửi lời cảm ơn chân thành về sự hợp tác hữu nghị của Quý Khách. Chúng tôi tự hào là nhà sản xuất sản phẩm sữa uống lên men hàng đầu Nhật Bản hơn 80 năm qua. Sản phẩm Yakult đã có mặt trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Yakult Việt Nam bắt đầu kinh doanh vào tháng 9 năm 2007. Hiện nay sản phẩm đã có mặt ở hầu hết các siêu thị và các cửa hàng bán lẻ tại Tp. Hồ Chí Minh, Biên Hòa, Bình Dương, Hà Nội, Hải Phòng, Đà Nẵng, Nghệ An, Nha Trang, Cần Thơ và các tỉnh thành lân cận.

Chúng tôi hân hạnh gửi đến Quý khách hàng Bảng Báo Giá Sản Phẩm công ty chúng tôi như sau:

Tên Sản phẩm: Yakult - Sữa Uống Lên Men nhãn hiệu Nhật Bản

TÊN SẢN PHẨM	MÃ SẢN PHẨM	QUY CÁCH	ĐVT	GIÁ CHƯA VAT (đồng)
Sữa uống lên men Yakult	8938501434012	Lốc 5 chai	chai	3.700
	8938501434043	Lốc 10 chai		
Sữa uống lên men Yakult Light	8938501434050	Lốc 5 chai		
	8938501434067	Lốc 10 chai		

MỘT SỐ ĐIỀU KHOẢN THƯƠNG MẠI

Hạn sử dụng

40 ngày kể từ ngày sản xuất.

Điều kiện bảo quản

Bảo quản ở nhiệt độ từ 5 - 10 độ C.

Hình thức giao hàng

- Giao hàng tận nơi miễn phí.

Hãy liên hệ với chúng tôi ngay khi Quý khách cần sản phẩm Yakult.

Chúng tôi rất mong nhận được đơn đặt hàng thường xuyên của Quý khách hàng.

Thay mặt công ty TNHH Yakult Việt Nam..



MORITA TOSHIMITSU
(Trưởng phòng kinh doanh)

Yakult

HỒ SƠ SẢN PHẨM



The graphic features two Yakult bottles on a light orange background. The bottle on the left is blue and labeled 'Yakult' with 'SỮA UỐNG LÊN MEN' and 'THỰC PHẨM BỔ SUNG' (Supplemental Food). The bottle on the right is white and labeled 'Yakult' with 'SỮA UỐNG LÊN MEN' and 'SỨC KHỎE MỌI NGÀY' (Health Every Day). A blue curved arrow points from the blue bottle to the white bottle. The text 'Thêm Lựa Chọn' (Add Choice) is written in blue above the blue bottle, and 'Thêm Vui!' (Add Fun!) is written in red above the white bottle.

Thêm Lựa Chọn

Thêm Vui!

Yakult - Sữa uống lên men Nhật Bản ra đời từ năm 1935

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
CHI NHÁNH**

Mã số chi nhánh: 3700723994-002

Đăng ký lần đầu, ngày 04 tháng 12 năm 2009

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 13 tháng 07 năm 2021

1. Tên chi nhánh:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên chi nhánh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số 4, Lô 2, Cụm công nghiệp Lai Xá, Xã Kim Chung, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.37921250

Fax: 024.37921255

Email: dtktuong@yakult.vn

Website: www.yakult.vn

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: TOSHIHIKO HARAMOTO

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 19/08/1958

Dân tộc:

Quốc tịch: Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TZ1104703

Ngày cấp: 13/01/2016

Nơi cấp: Đại sứ quán Nhật Bản tại Malaysia

Địa chỉ thường trú: 2-28, Furuichi, Asaminami-ku, Hiroshima-shi, Hiroshima-ken, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: Phòng 18.3, An Phú Plaza, 117-119 đường Lý Chính Thắng, Phường 07, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

4. Hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp: 3700723994

Địa chỉ trụ sở chính: Số 5 Đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Duy Cường

Giấy Chứng Nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM – BSI HACCP & GMP

Chứng nhận rằng:

CÔNG TY TNHH YAKULT VIETNAM

Số 5 Đại Lộ Tự Do,
Khu Công Nghiệp Việt Nam Singapore,
Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương,
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số:

BSIVN1067/2013

và vận hành Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm tuân thủ các yêu cầu của Codex Alimentarius Alinorm: Các Nguyên tắc chung về An toàn Vệ sinh Thực phẩm 2020 (HACCP) và Thực hành Sản xuất Tốt (GMP) cho phạm vi:

Sản xuất sữa uống lên men đóng chai nhựa PS.

Phân loại: CIV - Chế biến sản phẩm trong môi trường ổn định.

Chứng nhận này được cấp cùng với chứng nhận FSMS, số chứng nhận FSMS 557505.

Đại diện cho Tập đoàn BSI:



Ông Michael Lam
Phó Chủ tịch, APAC Assurance

Ngày đăng ký đầu tiên: **28/01/2010**

Ngày sửa đổi sau cùng: **14/01/2025**

Đại diện cho BSI Việt Nam:



Ông Lê Duyên Anh
Tổng Giám đốc BSI Việt Nam

Ngày hiệu lực: **04/04/2025**

Ngày hết hiệu lực: **03/04/2028**

Trang 1/1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](http://www.bsigroup.com/ClientDirectory). Printed copies can be validated at [www.bsigroup.com/Client Directory](http://www.bsigroup.com/ClientDirectory) or telephone +84 (28) 3820 0066

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of BSI HACCP & GMP 2021 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 3820 0066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate of Registration

FOOD SAFETY MANAGEMENT SYSTEM – BSI HACCP & GMP

This is to certify that:

YAKULT VIETNAM CO., LTD.

No.5, Tu Do Boulevard,
Vietnam Singapore Industrial Park,
Binh Hoa Ward, Thuan An City,
Binh Duong Province,
Vietnam

Holds Certificate Number:

BSIVN1067/2013

and operates a food safety management system that complies with the requirements of Codex Alimentarius Alinorm: 2020 (HACCP) and Good Manufacturing Practice (GMP) for the accompanying scope:

The manufacture of drinks based on fermented milk packed in PS bottles.

Category: CIV - Processing of ambient stable products.

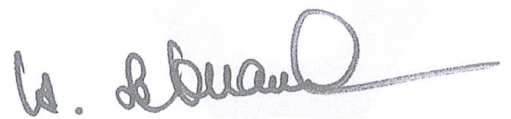
This certificate is issued in conjunction with FSMS certificate, Certificate number FSMS 557505.

For and on behalf of BSI:



Michael Lam
Senior Vice President, APAC Assurance

On behalf of BSI Vietnam:



Le Duyen Anh
Managing Director Vietnam

Original Registration Date: **28/01/2010**

Latest Revision Date: **14/01/2025**

Effective Date: **04/04/2025**

Expiry Date: **03/04/2028**



Page: 1 of 1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/ClientDirectory or telephone +84 (28) 3820 0066

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of BSI HACCP & GMP 2021 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 3820 0066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate of Registration

ENVIRONMENTAL MANAGEMENT SYSTEM – ISO 14001:2015

This is to certify that:

YAKULT VIETNAM CO., LTD.

No.5, Tu Do Boulevard,
Vietnam Singapore Industrial Park,
Binh Hoa Ward, Thuan An City,
Binh Duong Province,
Vietnam

Holds Certificate Number:

EMS 739030

and operates an Environmental Management System which complies with the requirements of ISO 14001:2015 for the following scope:

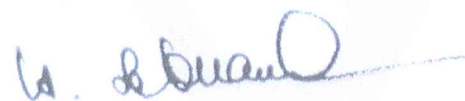
The manufacture of drinks based on fermented milk packed in PS bottles.

For and on behalf of BSI:



Michael Lam
Managing Director Assurance, APAC

On behalf of BSI Vietnam:



Le Duyen Anh
Managing Director Vietnam

Original Registration Date: **03/02/2021**

Latest Revision Date: **09/12/2023**

Effective Date: **03/02/2024**

Expiry Date: **02/02/2027**



Page: 1 of 1
...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client_Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 14001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.

BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.

Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.

A member of the BSI Group of Companies.

Giấy Chứng Nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG – ISO 14001:2015

Xác nhận rằng:

CÔNG TY TNHH YAKULT VIETNAM

Số 5 Đại Lộ Tự Do,
Khu Công Nghiệp Việt Nam Singapore,
Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương,
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số:

EMS 739030

và thực hiện Hệ thống Quản lý Môi trường phù hợp với các yêu cầu của ISO 14001:2015 cho phạm vi:

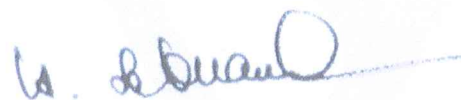
Sản xuất sữa uống lên men đóng chai nhựa PS.

Đại diện cho Tập đoàn BSI:



Ông Michael Lam
Giám đốc Điều hành Assurance, APAC

Đại diện cho BSI Việt Nam:



Ông Lê Duyên Anh
Tổng Giám đốc BSI Việt Nam

Ngày đăng ký đầu tiên: **03/02/2021**

Ngày sửa đổi sau cùng: **09/12/2023**

Ngày hiệu lực: **03/02/2024**

Ngày hết hiệu lực: **02/02/2027**

Trang: 1/1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client_Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 14001:2015 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.

BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.

Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.

A member of the BSI Group of Companies.

Giấy Chứng Nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN VÀ SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP – ISO 45001:2018

Xác nhận rằng:

CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM

Số 5, Đại Lộ Tự Do,
Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore,
Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương,
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số:

OHS 593060

và thực hiện Hệ Thống Quản Lý An Toàn và Sức Khỏe Nghề Nghiệp phù hợp với các yêu cầu của ISO 45001:2018 cho phạm vi:

Sản xuất sữa uống lên men đóng chai nhựa PS.

[Trước đây đã được chứng nhận cho OHSAS 18001 kể từ 22/01/2013]

Đại diện cho Tập đoàn BSI:



Ông Michael Lam

Giám đốc Điều hành Assurance, APAC

Ngày đăng ký đầu tiên: **13/01/2021**

Ngày sửa đổi sau cùng: **27/11/2024**

Đại diện cho BSI Việt Nam:



Ông Lê Duyên Anh

Tổng Giám đốc BSI Việt Nam

Ngày hiệu lực: **22/01/2025**

Ngày hết hiệu lực: **21/01/2028**

Trang: 1/1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](http://www.bsigroup.com/Client_Directory). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client_Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 45001:2018 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.

BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.

Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.

A member of the BSI Group of Companies.

Certificate of Registration

OCCUPATIONAL HEALTH AND SAFETY MANAGEMENT SYSTEM – ISO 45001:2018

This is to certify that:

YAKULT VIETNAM CO., LTD.

No.5, Tu Do Boulevard,
Vietnam Singapore Industrial Park,
Binh Hoa Ward, Thuan An City,
Binh Duong Province,
Vietnam

Holds Certificate Number:

OHS 593060

and operates an Occupational Health and Safety Management System which complies with the requirements of ISO 45001:2018 for the following scope:

The manufacture of drinks based on fermented milk packed in PS bottles.

[Previously certified to OHSAS 18001 since 22/01/2013]

For and on behalf of BSI:



Michael Lam
Managing Director Assurance, APAC

On behalf of BSI Vietnam:



Le Duyen Anh
Managing Director Vietnam

Original Registration Date: **13/01/2021**

Effective Date: **22/01/2025**

Latest Revision Date: **27/11/2024**

Expiry Date: **21/01/2028**

Page: 1 of 1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](https://www.bsigroup.com/ClientDirectory). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/ClientDirectory or telephone +84 (28) 38 200 066.

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 45001:2018 requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000.

BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.

Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.

A member of the BSI Group of Companies.

Giấy Chứng Nhận

HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM - ISO 22000:2018

Chứng nhận rằng:

CÔNG TY TNHH YAKULT VIETNAM

Số 5 Đại Lộ Tự Do,
Khu Công Nghiệp Việt Nam Singapore,
Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương,
Việt Nam

Giữ giấy chứng nhận số:

FSMS 557505

và thực hiện Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm phù hợp với các yêu cầu của ISO 22000:2018 cho phạm vi:

Sản xuất sữa uống lên men đóng chai nhựa PS.

Phân loại:

CIV - Chế biến sản phẩm trong môi trường ổn định.

Đại diện cho Tập đoàn BSI:



Ông Michael Lam
Phó Chủ tịch, APAC Assurance

Ngày đăng ký đầu tiên: **28/01/2010**

Ngày sửa đổi sau cùng: **14/01/2025**

Đại diện cho BSI Việt Nam:



Ông Lê Duyên Anh
Tổng Giám đốc BSI Việt Nam

Ngày hiệu lực: **04/04/2025**

Ngày hết hiệu lực: **03/04/2028**



Trang: 1/1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](http://www.bsigroup.com/ClientDirectory). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/ClientDirectory or telephone +84 (28) 38 200 066.

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 22000:2018 (ISO 22003-1) requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

Certificate of Registration

FOOD SAFETY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 22000:2018

This is to certify that:

YAKULT VIETNAM CO., LTD.

No.5, Tu Do Boulevard,
Vietnam Singapore Industrial Park,
Binh Hoa Ward, Thuan An City,
Binh Duong Province,
Vietnam

Holds Certificate Number:

FSMS 557505

and operates a Food Safety Management System which complies with the requirements of ISO 22000:2018 for the following scope:

The manufacture of drinks based on fermented milk packed in PS bottles.

Category:

CIV - Processing of ambient stable products

For and on behalf of BSI:



Michael Lam
Senior Vice President, APAC Assurance

On behalf of BSI Vietnam:



Le Duyen Anh
Managing Director Vietnam

Original Registration Date: **28/01/2010**

Latest Revision Date: **14/01/2025**

Effective Date: **04/04/2025**

Expiry Date: **03/04/2028**



Page: 1 of 1

...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.

An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at www.bsigroup.com/Client_Directory or telephone +84 (28) 38 200 066.

Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 22000:2018 (ISO 22003-1) requirements may be obtained by consulting the organization. This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Contact Office: BSI Vietnam Headquarters - 15 Floor APC Tower, 518B Dien Bien Phu Street, Ward 21, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City, Vietnam. Telephone: +84 (28) 38 200 066.
A member of the BSI Group of Companies.

BỘ Y TẾ

BỆNH VIỆN E

BÁO CÁO KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ CÁN BỘ, NHÂN VIÊN
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

Thời gian: Tháng 10 năm 2024

STT	Họ và tên	Mã người bệnh	Giới tính	Ngày sinh	Kết luận
1	Vũ Thanh Hà	2411005251	Nữ	19/05/1984	Đủ sức khỏe công tác
2	Phạm Thị Hằng	2411005252	Nữ	17/09/1984	Đủ sức khỏe công tác
3	Phan Văn Nghĩa	2411005254	Nam	20/09/1989	Đủ sức khỏe công tác
4	Nguyễn Thị Nguyệt	2411005255	Nữ	03/08/1986	Đủ sức khỏe công tác
5	Lê Ngọc Linh	2411005256	Nam	23/11/1985	Đủ sức khỏe công tác
6	Trần Ngọc Cường	2411005257	Nam	23/01/1987	Đủ sức khỏe công tác
7	Nguyễn Tiến Hoàng	2411005259	Nam	13/04/1985	Đủ sức khỏe công tác
8	Bùi Thị Thu Hương	2411005260	Nữ	08/10/1988	Đủ sức khỏe công tác
9	Phùng Thị Cúc	2411005261	Nữ	28/11/1988	Đủ sức khỏe công tác
10	Dương Thị Thương	2411005263	Nữ	14/08/1986	Đủ sức khỏe công tác
11	Vũ Thanh Lê	2411005264	Nữ	10/10/1988	Đủ sức khỏe công tác
12	Phạm Thị Thu Hương Thảo	2411005265	Nữ	19/07/1987	Đủ sức khỏe công tác
13	Vũ Tuấn Anh	2411005267	Nam	28/11/1988	Đủ sức khỏe công tác
14	Nguyễn Thị Thơ	2411005268	Nữ	31/08/1991	Đủ sức khỏe công tác
15	Nguyễn Văn Thành	2411005269	Nam	01/11/1987	Đủ sức khỏe công tác
16	Vũ Ngọc Duân	2411005270	Nam	25/12/1990	Đủ sức khỏe công tác
17	Nguyễn Xuân Điều	2411005271	Nam	08/03/1992	Đủ sức khỏe công tác
18	Nguyễn Ngọc Trường	2411005272	Nam	17/09/1992	Đủ sức khỏe công tác
19	Đoàn Thị Loan	2411005273	Nữ	05/12/1991	Đủ sức khỏe công tác
20	Lê Văn Thanh	2411005274	Nam	15/11/1989	Đủ sức khỏe công tác
21	Bùi Tiến Thanh	2411005275	Nam	09/11/1993	Đủ sức khỏe công tác
22	Giáp Thị Hương Giang	2411005276	Nữ	09/06/1991	Đủ sức khỏe công tác
23	Nguyễn Thị Quyên	2411005277	Nữ	05/06/1990	Đủ sức khỏe công tác
24	Nguyễn Thị Thu	2411005278	Nữ	31/05/1993	Đủ sức khỏe công tác
25	Nguyễn Sĩ Nam	2411005279	Nam	12/05/1990	Đủ sức khỏe công tác
26	Trần Văn Chí	2411005281	Nam	09/01/1993	Đủ sức khỏe công tác
27	Vũ Thanh Tùng	2411005282	Nam	03/09/1988	Đủ sức khỏe công tác
28	Vũ Xuân Hưng	2411005283	Nam	29/10/1992	Đủ sức khỏe công tác
29	Lưu Danh Tùng	2411005284	Nam	19/10/1989	Đủ sức khỏe công tác
30	Dương Đình Thắng	2411005285	Nam	09/08/1994	Đủ sức khỏe công tác
31	Nguyễn Tiến Thịnh	2411005286	Nam	25/08/1995	Đủ sức khỏe công tác
32	Nguyễn Thị Hương	2411005287	Nữ	17/09/1981	Đủ sức khỏe công tác
33	Đinh Thị Trang	2411005288	Nữ	17/12/1994	Đủ sức khỏe công tác
34	Nguyễn Văn Hiếu	2411005289	Nam	03/07/1995	Đủ sức khỏe công tác
35	Nguyễn Thị Huyền Thương	2411005290	Nữ	16/12/1994	Đủ sức khỏe công tác
36	Phạm Ngọc Hoàng	2411005291	Nam	07/02/1991	Đủ sức khỏe công tác
37	Nguyễn Đức Hòa	2411005292	Nam	13/01/1996	Đủ sức khỏe công tác
38	Vũ Thị Lan Anh	2411005293	Nữ	21/03/1995	Đủ sức khỏe công tác
39	Nguyễn Văn Phương	2411005294	Nam	30/07/1994	Đủ sức khỏe công tác

BỆN

STT	Họ và tên	Mã người bệnh	Giới tính	Ngày sinh	Kết luận
40	Nguyễn Văn Hà	2411005295	Nam	25/01/1993	Đủ sức khỏe công tác
41	Vũ Văn Học	2411005296	Nam	17/03/1995	Đủ sức khỏe công tác
42	Tào Thị Phương Hoa	2411005297	Nữ	06/02/1996	Đủ sức khỏe công tác
43	Nguyễn Thanh Bình	2411005298	Nam	07/05/1995	Đủ sức khỏe công tác
44	Vũ Đình Linh	2411005299	Nam	24/08/1990	Đủ sức khỏe công tác
45	Vũ Duy Lợi	2411005300	Nam	16/05/1993	Đủ sức khỏe công tác
46	Đặng Tiến Chủ	2411005301	Nam	20/12/1995	Đủ sức khỏe công tác
47	Hoàng Nguyên Tuyền	2411005302	Nam	21/02/1991	Đủ sức khỏe công tác
48	Dư Ngọc Hưng	2411005304	Nam	18/09/1991	Đủ sức khỏe công tác
49	Lương Đức Hưng	2411005305	Nam	07/12/1990	Đủ sức khỏe công tác
50	Hà Minh Đức	2411005307	Nam	01/04/1994	Đủ sức khỏe công tác
51	Nguyễn Quang Tuấn	2411005308	Nam	06/07/1991	Đủ sức khỏe công tác
52	Đặng Minh Thái	2411005309	Nam	20/07/1994	Đủ sức khỏe công tác
53	Trịnh Minh Nghĩa	2411005310	Nam	09/05/1990	Đủ sức khỏe công tác
54	Hoàng Trung Hiếu	2411005311	Nam	16/08/1995	Đủ sức khỏe công tác
55	Phạm Văn Thành	2411005312	Nam	15/06/1985	Đủ sức khỏe công tác
56	Nguyễn Văn Phương	2411005313	Nam	21/05/1996	Đủ sức khỏe công tác
57	Nguyễn Thị Vui	2411005316	Nữ	24/07/1995	Đủ sức khỏe công tác
58	Nguyễn Văn Đông	2411005317	Nam	06/09/1994	Đủ sức khỏe công tác
59	Trần Xuân Trường	2411005319	Nam	24/02/1995	Đủ sức khỏe công tác
60	Trần Quang Huy	2411005320	Nam	21/09/1994	Đủ sức khỏe công tác
61	Nguyễn Thị Thương	2411005321	Nữ	06/06/1997	Đủ sức khỏe công tác
62	Đào Đức Thuận	2411005322	Nam	12/06/1997	Đủ sức khỏe công tác
63	Vũ Duy Tuấn	2411005323	Nam	11/05/1994	Đủ sức khỏe công tác
64	Trần Thị Na	2411005324	Nữ	09/02/1991	Đủ sức khỏe công tác
65	Lê Văn Minh	2411005325	Nam	09/12/1998	Đủ sức khỏe công tác
66	Lê Khắc Thọ	2411005326	Nam	11/11/1989	Đủ sức khỏe công tác
67	Đinh Thanh Hùng	2411005327	Nam	23/11/1995	Đủ sức khỏe công tác
68	Phan Đại Tráng	2411005328	Nam	30/04/1993	Đủ sức khỏe công tác
69	Lê Duy Quang	2411005329	Nam	09/08/1993	Đủ sức khỏe công tác
70	Lê Thị Yên	2411005330	Nữ	26/08/1994	Đủ sức khỏe công tác
71	Lê Huy Hùng	2411005331	Nam	12/07/1996	Đủ sức khỏe công tác
72	Bùi Hồng Hải	2411005332	Nam	01/02/1994	Đủ sức khỏe công tác
73	Nguyễn Trọng Quyết	2411005333	Nam	28/12/1994	Đủ sức khỏe công tác
74	Đào Xuân Toàn	2411005334	Nam	13/11/1996	Đủ sức khỏe công tác
75	Nguyễn Hoàng Thái	2411005335	Nam	25/01/1992	Đủ sức khỏe công tác
76	Phan Xuân Đông	2411005336	Nam	28/09/1994	Đủ sức khỏe công tác
77	Lê Văn Long	2411005337	Nam	10/10/1989	Đủ sức khỏe công tác
78	Đỗ Đức Trung	2411005339	Nam	02/05/1998	Đủ sức khỏe công tác
79	Nguyễn Thị Thùy Linh	2411005340	Nữ	02/02/1993	Đủ sức khỏe công tác
80	Lê Đức Chính	2411005341	Nam	29/10/1993	Đủ sức khỏe công tác
81	Nguyễn Minh Tuấn	2411005342	Nam	27/11/1992	Đủ sức khỏe công tác
82	Phan Thị Thương	2411005343	Nữ	26/04/1985	Đủ sức khỏe công tác
83	Nguyễn Văn Thắng	2411005344	Nam	22/06/1990	Đủ sức khỏe công tác

STT	Họ và tên	Mã người bệnh	Giới tính	Ngày sinh	Kết luận
84	Phạm Thị Ngọc	2411005345	Nữ	13/04/1998	Đủ sức khỏe công tác
85	Phùng Xuân Tuấn	2411005348	Nam	23/09/1992	Đủ sức khỏe công tác
86	Trần Thị Thu Hồng	2411005349	Nữ	06/02/2000	Đủ sức khỏe công tác
87	Nguyễn Tiến Đạt	2411005350	Nam	09/06/1996	Đủ sức khỏe công tác
88	Vũ Đình Đạt	2411005351	Nam	06/12/1996	Đủ sức khỏe công tác
89	Nguyễn Thị Kim Thanh	2411005352	Nữ	03/02/1993	Đủ sức khỏe công tác
90	Nguyễn Thị Loan	2411005353	Nữ	05/07/1999	Đủ sức khỏe công tác
91	Quách Thị Lợi	2411005354	Nữ	02/03/1997	Đủ sức khỏe công tác
92	Lê Hồng Minh	2411005355	Nam	17/09/2000	Đủ sức khỏe công tác
93	Mai Đình Thành	2411005356	Nam	10/05/1995	Đủ sức khỏe công tác
94	Đào Thị Hồng	2411005357	Nữ	15/09/1994	Đủ sức khỏe công tác
95	Phạm Thị Vân	2411005358	Nữ	18/11/1993	Đủ sức khỏe công tác
96	Phạm Thanh Lâm	2411005360	Nam	10/10/1995	Đủ sức khỏe công tác
97	Tạ Duy Huân	2411005361	Nam	30/03/1996	Đủ sức khỏe công tác
98	Trương Thị Bình	2411005362	Nữ	05/01/1996	Đủ sức khỏe công tác
99	Nguyễn Thị Thùy Linh	2411005363	Nữ	12/06/1997	Đủ sức khỏe công tác
100	Lê Văn Thành	2411005364	Nam	02/06/1994	Đủ sức khỏe công tác
101	Nguyễn Quang Diễn	2411005365	Nam	03/02/1990	Đủ sức khỏe công tác
102	Bùi Ngọc Tuấn	2411005366	Nam	18/02/2001	Đủ sức khỏe công tác
103	Nguyễn Đức Duy	2411005367	Nam	10/01/1996	Đủ sức khỏe công tác
104	Bùi Cao Tuấn	2411005368	Nam	17/06/1988	Đủ sức khỏe công tác
105	Nguyễn Tiến Quân	2411005369	Nam	10/08/1992	Đủ sức khỏe công tác
106	Nguyễn Thị Đoan Trang	2411005370	Nữ	26/07/1996	Đủ sức khỏe công tác
107	Nguyễn Thị Yến	2411005371	Nữ	21/07/1997	Đủ sức khỏe công tác
108	Lê Minh Tuấn	2411005372	Nam	17/10/1997	Đủ sức khỏe công tác
109	Nguyễn Ngọc Sơn	2411005373	Nam	17/05/1996	Đủ sức khỏe công tác
110	Phạm Tùng Lâm	2411005374	Nam	02/07/1998	Đủ sức khỏe công tác
111	Lưu Thúy Hoa	2411005376	Nữ	24/06/2000	Đủ sức khỏe công tác
112	Đỗ Huy Hoàng	2411005377	Nam	08/11/1995	Đủ sức khỏe công tác
113	Hà Thị Thùy Dương	2411005378	Nữ	20/10/2000	Đủ sức khỏe công tác
114	Lê Thị Hương	2411005379	Nữ	04/03/1997	Đủ sức khỏe công tác
115	Trần Thị Lan Anh	2411005380	Nữ	25/09/1997	Đủ sức khỏe công tác
116	Nguyễn Công Bảo Kiếm	2411005381	Nam	25/04/2000	Đủ sức khỏe công tác
117	Phan Tiến Hùng	2411005383	Nam	18/08/1998	Đủ sức khỏe công tác
118	Nguyễn Công Đạt	2411005384	Nam	14/02/1999	Đủ sức khỏe công tác
119	Bùi Thị Ngọc Hải	2411005386	Nữ	19/02/2000	Đủ sức khỏe công tác
120	Nguyễn Quang Lịch	2411005387	Nam	15/08/1995	Đủ sức khỏe công tác
121	Nguyễn Công Vương	2411005388	Nam	15/06/1994	Đủ sức khỏe công tác
122	Nguyễn Thị Thu Trang	2411005389	Nữ	25/02/1998	Đủ sức khỏe công tác
123	Hoàng Văn Giang	2411005390	Nam	26/03/1997	Đủ sức khỏe công tác
124	Nguyễn Văn Dũng	2411005392	Nam	25/10/2001	Đủ sức khỏe công tác
125	Ngô Hoàng Giang	2411005393	Nam	03/06/2002	Đủ sức khỏe công tác
126	Đỗ Thị Thanh Hường	2411005394	Nữ	28/05/1997	Đủ sức khỏe công tác
127	Trần Danh Giáp	2411005395	Nam	14/05/1994	Đủ sức khỏe công tác

VIỆT
E
★

th

STT	Họ và tên	Mã người bệnh	Giới tính	Ngày sinh	Kết luận
128	Nguyễn Ngọc Linh	2411005396	Nam	28/06/1999	Đủ sức khỏe công tác
129	Đặng Minh Quang	2411005397	Nam	30/04/2002	Đủ sức khỏe công tác
130	Nguyễn Thu Trang	2411005398	Nữ	20/11/1994	Đủ sức khỏe công tác
131	Hoàng Thị Trang	2411005399	Nữ	09/11/1994	Đủ sức khỏe công tác
132	Trần Thị Thùy Dương	2411005400	Nữ	15/05/2001	Đủ sức khỏe công tác
133	Phùng Hữu Dũng	2411005402	Nam	18/01/1993	Đủ sức khỏe công tác
134	Nguyễn Xuân Quỳnh	2411005403	Nam	01/02/1993	Đủ sức khỏe công tác
135	Đồng Văn Quý	2411005404	Nam	21/05/2001	Đủ sức khỏe công tác
136	Vương Đức Chính	2411005405	Nam	17/02/2001	Đủ sức khỏe công tác
137	Nguyễn Thị Hương Giang	2411005406	Nữ	31/10/2000	Đủ sức khỏe công tác
138	Trịnh Đức Hiếu	2411005407	Nam	17/12/1997	Đủ sức khỏe công tác
139	Nguyễn Duy Long	2411005408	Nam	09/06/2000	Đủ sức khỏe công tác
140	Nguyễn Ngọc Sơn	2411005409	Nam	22/03/2000	Đủ sức khỏe công tác
141	Phạm Chí Công	2411005410	Nam	17/10/1995	Đủ sức khỏe công tác
142	Nguyễn Sỹ Bách	2411005411	Nam	17/09/2000	Đủ sức khỏe công tác
143	Trần Văn Sinh	2411005412	Nam	28/01/1995	Đủ sức khỏe công tác
144	Nguyễn Phú Dũng	2411005413	Nam	24/09/1998	Đủ sức khỏe công tác
145	Nguyễn Trung Đức	2411005414	Nam	03/02/1994	Đủ sức khỏe công tác
146	Trần Vũ Hải Đại	2411005417	Nam	18/08/2003	Đủ sức khỏe công tác
147	Lý Bảo Anh	2411005419	Nam	02/02/1994	Đủ sức khỏe công tác
148	Nguyễn Văn Duy	2411005420	Nam	20/02/1997	Đủ sức khỏe công tác
149	Lương Đoàn Tấn	2411005421	Nam	21/07/2001	Đủ sức khỏe công tác
150	Nguyễn Thị Xuân Đức	2411005424	Nữ	18/10/1994	Đủ sức khỏe công tác
151	Từ Ngọc Tiến	2411005425	Nam	12/03/2001	Đủ sức khỏe công tác
152	Lò Văn Anh	2411005426	Nam	19/07/2000	Đủ sức khỏe công tác
153	Đỗ Quốc Anh	2411005427	Nam	28/09/1992	Đủ sức khỏe công tác
154	Nguyễn Tiến Hào	2411005428	Nam	09/10/1996	Đủ sức khỏe công tác
155	Nguyễn Vũ Phú	2411005429	Nam	20/11/2002	Đủ sức khỏe công tác
156	Trần Thị Thúy	2411005430	Nữ	10/02/2000	Đủ sức khỏe công tác
157	Nguyễn Thị Ngân	2411005431	Nữ	09/07/1989	Đủ sức khỏe công tác
158	Lê Thị Mai Liên	2411005432	Nữ	15/05/1999	Đủ sức khỏe công tác
159	Nguyễn Thị Hải Anh	2411005433	Nữ	26/07/2000	Đủ sức khỏe công tác
160	La Văn Thông	2411005434	Nam	10/10/2001	Đủ sức khỏe công tác
161	Đoàn Trung Nam	2411005435	Nam	17/06/2001	Đủ sức khỏe công tác
162	Trần Văn Thân	2411005436	Nam	29/05/1994	Đủ sức khỏe công tác
163	Trương Hữu Nam	2411005437	Nam	24/10/2001	Đủ sức khỏe công tác
164	Lương Văn Đạt	2411005438	Nam	29/01/2001	Đủ sức khỏe công tác
165	Nguyễn Hồng Sơn	2411005439	Nam	17/12/2003	Đủ sức khỏe công tác
166	Vũ Hồng Đạt	2411005440	Nam	03/05/2002	Đủ sức khỏe công tác
167	Kim Ngọc Hiệp	2411005441	Nam	15/11/2001	Đủ sức khỏe công tác
168	Nguyễn Cẩm Trung Nghĩa	2411005442	Nam	06/07/2000	Đủ sức khỏe công tác
169	Nguyễn Hữu Đạt	2411005443	Nam	02/09/1992	Đủ sức khỏe công tác
170	Phạm Thu Trang	2411005444	Nữ	07/07/2001	Đủ sức khỏe công tác
171	Trần Đình Minh	2411005445	Nam	26/10/1998	Đủ sức khỏe công tác

STT	Họ và tên	Mã người bệnh	Giới tính	Ngày sinh	Kết luận
172	Trần Ngọc Thế Anh	2411005446	Nam	25/11/2003	Đủ sức khỏe công tác
173	Phạm Thị Thùy	2411005447	Nữ	22/09/2001	Đủ sức khỏe công tác
174	Đỗ Mạnh Thủy	2411005448	Nam	10/05/1993	Đủ sức khỏe công tác
175	Lê Danh Hoàng	2411005449	Nam	02/10/2002	Đủ sức khỏe công tác
176	Nguyễn Linh Trang	2411005450	Nữ	06/03/1994	Đủ sức khỏe công tác
177	Giang Thành Đồng	2411005452	Nam	28/12/2002	Đủ sức khỏe công tác
178	Phan Hoài Nam	2411005454	Nam	06/09/2001	Đủ sức khỏe công tác
179	Phạm Đức Trung	2411005455	Nam	11/09/1997	Đủ sức khỏe công tác
180	Trần Thị Hương Ly	2411005456	Nữ	10/12/2000	Đủ sức khỏe công tác
181	Cao Xuân Lương	2411005457	Nam	09/08/1997	Đủ sức khỏe công tác
182	Phùng Gia Thế	2411005458	Nam	06/05/2001	Đủ sức khỏe công tác
183	Nguyễn Tiến Chung	2411005460	Nam	01/02/2001	Đủ sức khỏe công tác
184	Hoàng Ngọc Hải	2411005461	Nam	06/05/2001	Đủ sức khỏe công tác
185	Trần Đức Tuấn	2411005462	Nam	27/09/2000	Đủ sức khỏe công tác
186	Trần Thanh Thái	2411005463	Nam	25/02/2001	Đủ sức khỏe công tác
187	Nguyễn Tiến Sỹ	2411005464	Nam	25/10/1996	Đủ sức khỏe công tác
188	Diệp Hương Giang	2411005466	Nữ	14/10/2002	Đủ sức khỏe công tác
189	Phạm Văn Nghĩa	2411005473	Nam	04/08/2003	Đủ sức khỏe công tác
190	Vương Đình Thịnh	2411005475	Nam	23/09/1996	Đủ sức khỏe công tác

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2024

Khoa Kiểm tra sức khỏe

Giám đốc

th

Nguyễn Minh Thủy



Nguyễn Công Hựu



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 16/YAKULT VIETNAM/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty TNHH Yakult Việt Nam

Địa chỉ: Số 5, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0274) 3769 246

Fax: (0274) 3769 242

E-mail: generalaffair@yakult.vn

Mã số doanh nghiệp: 3700723994

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty TNHH Yakult Việt Nam không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

Công ty đã được cấp: - Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – ISO 22000.

- Giấy chứng nhận HACCP.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sữa uống lên men Yakult.

Nhóm thực phẩm: Thực phẩm bổ sung.

2. Thành phần:

- Nước, đường, sữa bột gầy (2,2 g/chai), dextrose, hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (hương sữa chua và hương chanh), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic *Lacticaseibacillus paracasei* Shirota.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

40 ngày kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Thể tích thực: 65 ml/chai.

+ Được đóng gói thành: 5 chai/lôc.

- Chất liệu bao bì:

+ Bao bì trực tiếp: Đóng chai PS (polystyrene), nắp nhôm đảm bảo yêu cầu theo QCVN 12:2011/BYT.

+ Bao bì gián tiếp: Màng OPP (Oriented polypropylene).



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên cơ sở: Công ty TNHH Yakult Việt Nam.

Địa chỉ: Số 5, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 5-5:2010/BYT Quy chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.
- TCVN 13368:2021 Sản phẩm đồ uống chứa Probiotic Lactobacilli.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 16-TCCS/YAKULT VIETNAM/2025.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 19 tháng 03 năm 2025



KENJI IWAO

Phó Tổng Giám Đốc

Giám Đốc Phụ Trách Khối Sản Xuất Và Nhà Máy



TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

Tên công ty	Thực phẩm bổ sung	Số: 16-TCCS/YAKULT VIETNAM/2025
Công Ty TNHH Yakult Việt Nam	Sữa uống lên men Yakult	Có giá trị từ ngày: 19/03/2025

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng lỏng.
2	Màu sắc	Vàng nhạt.
3	Mùi vị	Mùi thơm dịu, có vị hơi chua.

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tài liệu
1	Tỷ trọng	-	1,075 - 1,077	
2	Hàm lượng protein	g/100 ml	1,17 - 1,35	Theo TCVN 7030:2016 (CODEX STAN 243-2003, soát xét 2010)
3	Hàm lượng chất béo	g/100 ml	< 0,1	
4	Hàm lượng carbohydrate	g/100 ml	16,5 - 20,0	
5	Đường tổng số	g/100 ml	16,5 - 20,0	
6	Hàm lượng Natri	mg/100 ml	18,0 - 28,0	
7	Hàm lượng <i>L. paracasei</i> <i>Shirota</i>	CFU/ml	$\geq 1 \times 10^8$	
8	Năng lượng	kcal/100 ml	70 - 90	

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (Theo QCVN 5-5:2010/BYT)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Coliforms	CFU/ml	Không có
2	<i>E. Coli</i>	CFU/ml	Không có
3	<i>S. Aureus</i>	CFU/ml	Không có
4	Salmonella	CFU/25ml	Không có
5	<i>Listeria monocytogenes</i>	CFU/ml	Không có
6	TS nấm men - nấm mốc	CFU/ml	Không có



1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (Theo QCVN 5-5:2010/BYT)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen	mg/kg	0,5
2	Chì	mg/kg	0,02
3	Thủy ngân	mg/kg	0,05
4	Cadimi	mg/kg	1,0
5	Stibi	mg/kg	1,0

1.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: (Theo QCVN 5-5:2010/BYT)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
2	Melamin	mg/kg	2,5
3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men QCVN 5-5:2010/BYT.		

2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO:

Nước, đường, sữa bột gầy (2,2 g/chai), dextrose, hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (hương sữa chua và hương chanh), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic *Lactocaseibacillus paracasei* Shirota.

3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

40 ngày kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm.

4. CÔNG DỤNG VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:

4.1. Công dụng

Bổ sung lợi khuẩn *Lactocaseibacillus paracasei* Shirota tiến đến đường ruột vẫn còn sống giúp hỗ trợ:

- Tăng vi khuẩn có lợi và cân bằng hệ vi sinh đường ruột.
- Giảm nguy cơ hình thành các chất gây hại trong đường ruột.
- Giảm nguy cơ mắc táo bón và tiêu chảy.
- Tăng cường sức đề kháng.

4.2. Đối tượng sử dụng:

Dùng cho người lớn và trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG, BẢO QUẢN VÀ THÔNG TIN CẢNH BÁO:

5.1. Hướng dẫn sử dụng:

Lắc đều trước khi uống.

Sử dụng ngay khi mở nắp.

Nên duy trì đều đặn mỗi ngày.

5.2. Hướng dẫn bảo quản:

Nhiệt độ bảo quản: 5°C - 10°C.

5.3. Thông tin cảnh báo:

Sử dụng trước thời hạn in trên bao bì.

6. CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

6.1. Chất liệu bao bì:

Bao bì trực tiếp: Đóng chai PS (polystyrene), nắp nhôm đảm bảo yêu cầu theo QCVN 12-1:2011/BYT.

Bao bì gián tiếp: Màng OPP (Oriented polypropylene).

6.2. Quy cách đóng gói:

Thể tích thực: 65 ml/chai.

Được đóng gói thành: 5 chai/lốc.

7. CÁC BIỆN PHÁP PHÂN BIỆT THẬT, GIẢ:

Mặt sau của màng OPP tại vị trí “ấn ở đây để mở” luôn có 2 hàng lỗ thông khí song song chạy dọc chiều dài của bao bì.

8. NỘI DUNG GHI NHÃN:

Xem nhãn đính kèm.

9. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:

1. Xuất xứ: Công Ty TNHH Yakult Việt Nam.

Địa chỉ: Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam.

Loại hình: Sản xuất sản phẩm Sữa uống lên men Yakult dùng để tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

2. Thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công Ty TNHH Yakult Việt Nam.

Địa chỉ: Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam.

Đại diện: Ông Toshihiko Haramoto – Tổng giám đốc.

ĐT: 0274. 3769 246 FAX: 0274. 3769 242

Bình Dương, ngày 19 tháng 3 năm 2025

 **CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM**


KENJI IWAO
Phó Tổng Giám Đốc
Giám Đốc Phụ Trách Khối Sản Xuất Và Nhà Máy

 **C. T. TNHH YAKULT VIỆT NAM**

Ban quyền của công ty
YAKULT HONSHU Nhật Bản
Sản xuất tại: Công ty
TNHH Yakult Việt Nam
Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN VSIP, P. Bình Hòa
TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam
NHÀ MÁY DẤT TIÊU CHUẨN
HACCP VÀ ISO 22000
Điện thoại tư vấn khách hàng
028 62814235
Email: customerservice@yakult.vn
Website: www.yakult.vn
Xuất xứ: Việt Nam

8 938501 434012



Thành phần dinh dưỡng trong 100 ml	Năng lượng
	80,0 kcal
	1,2 g
	< 0,1 g
	18,5 g
	18,0 g
	18,0 mg
	Natri

Thành phần: Nước, đường, sữa bột gầy và giấm tự nhiên (thương sữa chua và hương chanh), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic *Lactocaseibacillus paracasei* Shirota

Bổ sung lợi khuẩn *Lactocaseibacillus paracasei* giúp hỗ trợ giảm nguy cơ táo bón, tiêu chảy và Shirota liên đến đường ruột vẫn còn sống (2,2 g/chai), dextrose, hương liệu tự nhiên và giấm tự nhiên (thương sữa chua và hương chanh), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic *Lactocaseibacillus paracasei* Shirota

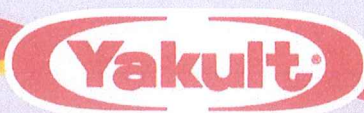
Đối tượng sử dụng:
Dùng cho người lớn và trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên

Hương dẫn sử dụng:
Lắc đều trước khi uống
Sử dụng ngay khi mở nắp
Nên duy trì đều đặn mỗi ngày

Nhiệt độ bảo quản: 5 °C – 10 °C
Sử dụng trước thời hạn in trên bao bì.

Ăn ở đây
đề mở

Mỗi ngày Yakult

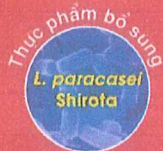


Mỗi ngày khỏe mạnh



SỮA UỐNG LÊN MEN

Thể tích thực: 325ml (5 chai x 65 ml)



医者から生まれたヤクルト
TÂM HUYẾT CỦA DR. SHIROTA
BÁC SĨ NGƯỜI NHẬT



Hơn **90** năm

NGHIÊN CỨU và PHÁT TRIỂN

40 Quốc gia và vùng lãnh thổ tin dùng

Gần 40 Triệu chai mỗi ngày



KENJI IWAO
Phó Tổng Giám Đốc
Giám Đốc - Khối Sản Xuất và Nhà Máy

TỐT CHO SỨC KHỎE MỌI NGƯỜI

Yakult®

Bản quyền của công ty
YAKULT HONSHA Nhật Bản



SỮA UỐNG LÊN MEN

Sản xuất tại:

Công ty TNHH Yakult Việt Nam

Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN VSIP,

P. Bình Hòa, TP. Thuận An,

T. Bình Dương, Việt Nam.

Thể tích thực: 65 ml



Thực phẩm bổ sung

Thành phần: Nước, đường, sữa bột gầy (2,2 g/chai), dextrose, hương liệu tự nhiên và giồng tự nhiên (hương sữa chua và hương chanh), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic *Lactocaseibacillus paracasei* Shirota.

Nhiệt độ bảo quản: 5 °C - 10 °C

HDSD: Lắc đều trước khi uống.

Sử dụng trước thời hạn in trên bao bì.



KENJI IWAOKI

Phó Tổng Giám Đốc

Giấy D - Khởi Sản Xuất và Nhà Máy

Yakult

CN CÔNG TY TNHH YAKULT
VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY XÁC NHẬN
KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Số: 022025 /XNKT- YKHN

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09 tháng 4 năm 2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương, tài liệu kiến thức về an toàn thực phẩm của Bộ Công Thương.

Tên công ty: **CN CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 4, lô 2, cụm công nghiệp Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700723994-002, cấp ngày 04 / 12 / 2019 nơi cấp: Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: (0243)7921250.

Chúng tôi xác nhận ông (bà) có tên trong danh sách kèm theo Giấy này có kiến thức cơ bản về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành, có kết quả đạt bài kiểm tra về kiến thức an toàn thực phẩm đã kiểm tra tại tháng 02/2025.

Giấy này có giá trị hết ngày 28 tháng 02 năm 2026

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025



NGUYỄN TIỀN HOÀNG

Phó Giám đốc chi nhánh



CN CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM TẠI HÀ NỘI
Số 4, lô 2 cụm công nghiệp Lai Xá, xã Kim Chung, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội

**DANH SÁCH NHÂN VIÊN THI ĐẠT KIẾN THỨC VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM
THÁNG 02/2025**

STT 番目	MÃ NV コード	HỌ TÊN 氏名	NGÀY SINH 生年月日	PHÒNG BAN 職部	THỜI GIAN ĐÀO TẠO トレーニングの時間	KẾT QUẢ ĐÀO TẠO トレーニング結果
1	01439	LƯU DANH TUNG	10/19/1989	Kinh doanh	2/2025	Đạt
2	04109	ĐỖ THỊ THANH HƯƠNG	5/28/1997	Kinh doanh	2/2025	Đạt
3	04724	TRẦN THỊ THÚY	2/10/2000	Kinh doanh	2/2025	Đạt
4	03128	NGUYỄN THỊ KIM THANH	2/3/1993	Kinh doanh	2/2025	Đạt
5	00444	BUI THỊ THU HƯƠNG	8/10/1988	Kinh doanh	2/2025	Đạt
6	03796	LÊ THỊ HƯƠNG	3/4/1997	Kinh doanh	2/2025	Đạt
7	00394	NGUYỄN THỊ NGUYET	3/8/1986	Kinh doanh	2/2025	Đạt
8	01431	VŨ XUÂN HUNG	10/29/1992	Kinh doanh	2/2025	Đạt
9	00413	TRẦN NGỌC CUÔNG	1/23/1987	Kinh doanh	2/2025	Đạt
10	03712	NGUYỄN TIÊN QUÂN	10/8/1992	Kinh doanh	2/2025	Đạt
11	00349	PHẠM THỊ HẰNG	9/17/1984	Kinh doanh	2/2025	Đạt
12	02139	PHẠM VĂN THANH	6/15/1985	Kinh doanh	2/2025	Đạt
13	00557	VUTHANH LÊ	10/10/1988	Kinh doanh	2/2025	Đạt
14	04628	ĐỖ QUỐC ANH	9/28/1992	Kinh doanh	2/2025	Đạt
15	04395	PHẠM CHỊ CÔNG	10/17/1995	Kinh doanh	2/2025	Đạt
16	05081	ĐỖ NGỌC HUNG	9/21/1996	Kinh doanh	2/2025	Đạt
17	04828	NGUYỄN HỮU ĐẠT	2/9/1992	Kinh doanh	2/2025	Đạt
18	03714	NGUYỄN THỊ YÊN	7/21/1997	Kinh doanh	2/2025	Đạt
19	02501	TRẦN THỊ NA	9/2/1991	Kinh doanh	2/2025	Đạt
20	01920	VŨ ĐÌNH LINH	8/24/1990	Kinh doanh	2/2025	Đạt
21	01098	GIÁP THỊ HƯƠNG GIANG	9/6/1991	Kinh doanh	2/2025	Đạt
22	03819	TRẦN THỊ LAN ANH	9/25/1997	Kinh doanh	2/2025	Đạt
23	04852	PHẠM THU THUYẾT	9/22/2001	Kinh doanh	2/2025	Đạt
24	03949	NGUYỄN THỊ THU TRANG	2/25/1998	Kinh doanh	2/2025	Đạt
25	03129	NGUYỄN THỊ HỒNG	6/12/1988	Kinh doanh	2/2025	Đạt
26	02998	NGUYỄN MINH TUẤN	11/27/1992	Kinh doanh	2/2025	Đạt
27	02979	LÊ ĐỨC CHÍNH	10/29/1993	Kinh doanh	2/2025	Đạt
28	02287	TRẦN XUÂN TRƯỞNG	2/24/1995	Kinh doanh	2/2025	Đạt
29	02963	NGUYỄN THỊ THUY LINH	2/2/1993	Kinh doanh	2/2025	Đạt
30	04152	NGUYỄN NGỌC LINH	6/28/1999	Kinh doanh	2/2025	Đạt
31	01743	VŨ THỊ LAN ANH	3/21/1995	Kinh doanh	2/2025	Đạt
32	04244	VƯƠNG ĐỨC CHÍNH	2/17/2001	Kinh doanh	2/2025	Đạt
33	04824	KIM NGỌC HIỆP	11/15/2001	Kinh doanh	2/2025	Đạt
34	00567	PHẠM THỊ THU HƯƠNG THẢO	7/19/1987	Kinh doanh	2/2025	Đạt
35	02783	ĐÀO XUÂN TOÀN	11/13/1996	Kinh doanh	2/2025	Đạt
36	03014	PHẦN THỊ THƯƠNG	4/26/1985	Kinh doanh	2/2025	Đạt
37	03222	PHẠM THỊ VĂN	11/18/1993	Kinh doanh	2/2025	Đạt
38	04426	NGUYỄN SỸ BẠCH	9/17/2000	Kinh doanh	2/2025	Đạt
39	2017	HÀ MINH ĐỨC	1/4/1994	Kinh doanh	2/2025	Đạt
40	04253	TRINH ĐỨC HIẾU	12/17/1997	Kinh doanh	2/2025	Đạt
41	01605	ĐINH THỊ TRANG	12/17/1994	Kinh doanh	2/2025	Đạt
42	03289	PHẠM THANH LÂM	10/10/2024	Kinh doanh	2/2025	Đạt



**DANH SÁCH NHÂN VIÊN THI ĐẠT KIẾN THỨC VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM
THÁNG 02/2025**

STT 番目	MÃ NV コード	HỌ TÊN 氏名	NGÀY SINH 生年月日	PHÒNG BAN 職部	THỜI GIAN ĐÀO TẠO トレーニングの時間	KẾT QUẢ ĐÀO TẠO トレーニング結果
89	04197	PHUNG HIỆU DŨNG	1/18/1993	Kinh doanh	2/2025	Đạt
90	00536	ĐUƠNG THỊ THUƠNG	8/14/1986	Kinh doanh	2/2025	Đạt
91	00586	VŨ TUẤN ANH	11/28/1988	Kinh doanh	2/2025	Đạt
92	03352	NGUYỄN THỊ THUY LINH	12/6/1997	Kinh doanh	2/2025	Đạt
93	04432	TRẦN VŨ HẢI ĐẠI	2/26/2025	Kinh doanh	2/2025	Đạt
94	04588	TŨ NGỌC TIẾN	12/3/2001	Kinh doanh	2/2025	Đạt
95	02925	LÊ VĂN LONG	10/10/1989	Kinh doanh	2/2025	Đạt
96	04953	TRẦN THANH HƯƠNG	3/11/2001	Kinh doanh	2/2025	Đạt
97	04199	NGUYỄN XUÂN QUYNH	2/1/1993	Kinh doanh	2/2025	Đạt
98	01724	NGUYỄN ĐỨC HOA	1/13/1996	Kinh doanh	2/2025	Đạt
99	04899	CAO XUÂN LUƠNG	9/8/1997	Kinh doanh	2/2025	Đạt
100	03210	ĐÀO THỊ HỒNG	9/15/1994	Kinh doanh	2/2025	Đạt
101	04027	HOÀNG VĂN GIANG	3/26/1997	Kinh doanh	2/2025	Đạt
102	00894	ĐOÀN THỊ LOAN	5/12/1991	Kinh doanh	2/2025	Đạt
103	01324	VŨ THANH TUNG	3/9/1988	Kinh doanh	2/2025	Đạt
104	03727	NGUYỄN NGỌC SƠN	5/17/1996	Kinh doanh	2/2025	Đạt
105	02652	PHAN ĐẠI TRĂNG	4/30/1993	Kinh doanh	2/2025	Đạt
106	02656	LÊ HUY HUNG	12/7/1996	Kinh doanh	2/2025	Đạt
107	00964	NGUYỄN XUÂN ĐIỀU	8/3/1992	Kinh doanh	2/2025	Đạt
108	00979	NGUYỄN NGỌC TRƯỞNG	9/17/1992	Kinh doanh	2/2025	Đạt
109	04151	TRẦN DANH GIÁP	5/14/1994	Kinh doanh	2/2025	Đạt
110	01310	NGUYỄN SĨ NAM	12/5/1990	Kinh doanh	2/2025	Đạt
111	03702	BUI CAO TUẤN	6/17/1988	Kinh doanh	2/2025	Đạt
112	02392	ĐÀO ĐỨC THUẬN	12/6/1997	Kinh doanh	2/2025	Đạt
113	04948	TRẦN THANH THAI	2/25/2001	Kinh doanh	2/2025	Đạt
114	03204	LÊ HỒNG MINH	9/17/2000	Kinh doanh	2/2025	Đạt
115	02682	HOANG TRUNG HIỆU	1/2/0094	Kinh doanh	2/2025	Đạt
116	02132	HOANG TRUNG HIỆU	8/16/1995	Kinh doanh	2/2025	Đạt
117	00403	LÊ NGỌC LINH	11/23/1985	Kinh doanh	2/2025	Đạt
118	03336	TRƯƠNG THỊ BÌNH	5/1/1996	Kinh doanh	2/2025	Đạt
119	03825	PHAN TIẾN HUNG	8/18/1998	Kinh doanh	2/2025	Đạt
120	01931	VŨ DUY LỢI	5/16/1993	Kinh doanh	2/2025	Đạt
121	03928	NGUYỄN QUANG LỊCH	8/15/1995	Kinh doanh	2/2025	Đạt
122	02683	NGUYỄN TRONG QUYẾT	12/28/1994	Kinh doanh	2/2025	Đạt
123	02243	NGUYỄN VĂN ĐÔNG	2/26/2025	Kinh doanh	2/2025	Đạt
124	04792	ĐOÀN TRUNG NAM	6/17/2001	Kinh doanh	2/2025	Đạt
125	01113	NGUYỄN THỊ QUYẾN	5/6/1990	Kinh doanh	2/2025	Đạt
126	04822	VŨ HỒNG ĐẠT	3/5/2002	Kinh doanh	2/2025	Đạt
127	03637	BUI NGỌC TUẤN	2/18/2001	Kinh doanh	2/2025	Đạt
128	04835	PHẠM THU TRANG	7/7/2001	Kinh doanh	2/2025	Đạt
129	04654	NGUYỄN TIẾN HẠO	9/10/1996	Kinh doanh	2/2025	Đạt
130	03793	HÀ THỊ THUY DƯƠNG	10/20/2000	Kinh doanh	2/2025	Đạt
131	03876	BUI THỊ NGỌC HẢI	2/19/2025	Kinh doanh	2/2025	Đạt
132	03177	NGUYỄN THỊ LOAN	5/7/1999	Kinh doanh	2/2025	Đạt
133	04813	LƯƠNG VĂN ĐẠT	1/29/2001	Kinh doanh	2/2025	Đạt
134	05078	NGUYỄN TRUNG THÀNH	10/6/0198	Kinh doanh	2/2025	Đạt



**DANH SÁCH NHÂN VIÊN THI ĐẠT KIẾN THỨC VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM
THÁNG 02/2025**

STT 番目	MÃ NV コード	HỌ TÊN 氏名	NGÀY SINH 生年月日	PHÒNG BAN 職部	THỜI GIAN ĐÀO TẠO トレーニングの時間	KẾT QUẢ ĐÀO TẠO トレーニング結果
181	03042	PHUNG THI THU	4/16/1998	Kinh doanh	2/2025	Đạt
182	02901	PHAN XUÂN DÔNG	9/28/1994	Kinh doanh	2/2025	Đạt
183	00483	PHUNG THI CUC	11/28/1988	Kinh doanh	2/2025	Đạt
184	04429	TRAN VAN SINH	1/28/1995	Kinh doanh	2/2025	Đạt
185	01901	NGUYỄN THANH BINH	7/8/1995	Kinh doanh	2/2025	Đạt
186	04752	NGUYỄN THỊ NGÂN	9/7/1989	Kinh doanh	2/2025	Đạt
187	05061	ĐOÀN CÔNG CHÍNH	12/19/1997	Kinh doanh	2/2025	Đạt


 Hà Nội ngày 27 tháng 02 năm 2025
NGUYỄN TIẾN HOÀNG
 (Phó Giám đốc chi nhánh)



CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ 03/YAKULT VIETNAM/2025

SỮA UÔNG LÊN MEN YAKULT
(Lốc 10 chai)

2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/YAKULT VIETNAM/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty TNHH Yakult Việt Nam

Địa chỉ: Số 5, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0274) 3769 246

Fax: (0274) 3769 242

E-mail: generalaffair@yakult.vn

Mã số doanh nghiệp: 3700723994

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty TNHH Yakult Việt Nam không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

Công ty đã được cấp: - Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – ISO 22000.

- Giấy chứng nhận HACCP.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sữa uống lên men Yakult.

(10 chai)

Nhóm thực phẩm: Thực phẩm bổ sung.

2. Thành phần:

- Nước, đường, sữa bột gầy (2,2 g/chai), dextrose, hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (hương sữa chua và hương chanh), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic Lacticaseibacillus paracasei Shirota.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

40 ngày kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Thể tích thực: 65 ml/1 chai.

+ Được đóng gói thành: 10 chai/lốc.

- Chất liệu bao bì:

+ Bao bì trực tiếp: Đóng chai PS (polystyrene), nắp nhôm đảm bảo yêu cầu theo QCVN 12-1:2011/BYT.

+ Bao bì gián tiếp: Màng OPP (Oriented polypropylene).



5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên cơ sở: Công ty TNHH Yakult Việt Nam.

Địa chỉ: Số 5, Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 5-5:2010/BYT Quy chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men;
- TCVN 13368:2021 Sản phẩm đồ uống chứa Probiotic Lactobacilli;
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 03-TCCS/YAKULT VIETNAM/2025

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



KENJI IWAO

Phó Tổng Giám Đốc

Giám Đốc Phụ Trách Khối Sản Xuất Và Nhà Máy



TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

Tên công ty	Thực phẩm bổ sung	Số: 03-TCCS/YAKULT VIETNAM/2025
Công Ty TNHH Yakult Việt Nam	Sữa uống lên men Yakult (10 chai)	Có giá trị từ ngày: 20/02/2025

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng lỏng.
2	Màu sắc	Vàng nhạt.
3	Mùi vị	Mùi thơm dịu, có vị hơi chua.

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tài liệu
1	Tỷ trọng	-	1,075 - 1,077	
2	Hàm lượng protein	g/100 ml	1,17 - 1,35	Theo TCVN 7030:2016 (CODEX STAN 243-2003, soát xét 2010)
3	Hàm lượng chất béo	g/100 ml	< 0,1	
4	Hàm lượng carbohydrate	g/100 ml	16,5 - 20,0	
5	Đường tổng số	g/100 ml	16,5 - 20,0	
6	Hàm lượng Natri	g/100 ml	0,018 - 0,028	
7	Hàm lượng <i>L. paracasei</i> <i>Shirota</i>	CFU/ml	$\geq 1 \times 10^8$	
8	Năng lượng	kcal/100 ml	70 - 90	

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (Theo QCVN 5-5:2010/BYT)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Coliforms	CFU/ml	Không có
2	<i>E. Coli</i>	CFU/ml	Không có
3	<i>S. Aureus</i>	CFU/ml	Không có
4	Salmonella	CFU/25ml	Không có
5	<i>Listeria monocytogenes</i>	CFU/ml	Không có
6	TS nấm men - nấm mốc	CFU/ml	Không có

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (Theo QCVN 5-5:2010/BYT)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen	mg/kg	0,5
2	Chì	mg/kg	0,02
3	Thủy ngân	mg/kg	0,05
4	Cadimi	mg/kg	1,0
5	Stibi	mg/kg	1,0

1.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: (Theo QCVN 5-5:2010/BYT)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
2	Melamin	mg/kg	2,5
3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men QCVN 5-5:2010/BYT.		

2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO:

Nước, đường, sữa bột gầy (2,2 g/chai), dextrose, hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (hương sữa chua và hương chanh), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic *Lacticaseibacillus paracasei* Shirota.

3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

40 ngày kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm.

4. CÔNG DỤNG VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:

4.1. Công dụng

Bổ sung lợi khuẩn *Lacticaseibacillus paracasei* Shirota tiến đến đường ruột vẫn còn sống giúp hỗ trợ:

- Tăng vi khuẩn có lợi và cân bằng hệ vi sinh đường ruột.
- Giảm nguy cơ hình thành các chất gây hại trong đường ruột.
- Giảm nguy cơ mắc táo bón và tiêu chảy.
- Tăng cường sức đề kháng.

4.2. Đối tượng sử dụng:

Dùng cho người lớn và trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG, BẢO QUẢN VÀ THÔNG TIN CẢNH BÁO:

5.1. Hướng dẫn sử dụng:

Lắc đều trước khi uống.
Sử dụng ngay khi mở nắp.
Nên duy trì đều đặn mỗi ngày.

5.2. Hướng dẫn bảo quản:

Nhiệt độ bảo quản: 5°C - 10°C.

5.3. Thông tin cảnh báo:

Sử dụng trước thời hạn in trên bao bì.

23994-
NG TY
VHH
CULT
NAM
T.BINH T

6. CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

6.1. Chất liệu bao bì:

Bao bì trực tiếp: Đóng chai PS (polystyrene), nắp nhôm đảm bảo yêu cầu theo QCVN 12-1:2011/BYT.

Bao bì gián tiếp: Màng OPP (Oriented polypropylene).

6.2. Quy cách đóng gói:

Thể tích thực: 65 ml/chai.

Được đóng gói thành: 10 chai/lốc.

7. CÁC BIỆN PHÁP PHÂN BIỆT THẬT, GIẢ:

Mặt sau của màng OPP tại vị trí “ấn ở đây để mở” luôn có 2 hàng lỗ thông khí song song chạy dọc chiều dài của bao bì.

8. NỘI DUNG GHI NHÃN:

Xem nhãn đính kèm.

9. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:

1. Xuất xứ: Công Ty TNHH Yakult Việt Nam.

Địa chỉ: Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam.

Loại hình: Sản xuất sản phẩm Sữa uống lên men Yakult dùng để tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

2. Thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công Ty TNHH Yakult Việt Nam.

Địa chỉ: Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam.

Đại diện: Ông Toshihiko Haramoto – Tổng giám đốc.

ĐT: 0274. 3769 246 FAX: 0274. 3769 242

Bình Dương, ngày 20 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM



KENJI IWAO

Phó Tổng Giám Đốc

Giám Đốc Phụ Trách Khối Sản Xuất Và Nhà Máy



TỐT CHO SỨC KHỎE MỌI NGƯỜI

Yakult®

Bản quyền của công ty
YAKULT HONSHA Nhật Bản



SỮA UỐNG LÊN MEN

Sản xuất tại:

Công ty TNHH Yakult Việt Nam

Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN VSIP,

P. Bình Hòa, TP. Thuận An,

T. Bình Dương, Việt Nam.

Thể tích thực: 65 ml



Thực phẩm bổ sung

Thành phần: Nước, đường, sữa bột gầy (2,2 g/chai), dextrose, hương liệu tự nhiên và giống tự nhiên (hương sữa chua và hương chanh), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic *Lactocaseibacillus paracasei* Shirota.

Nhiệt độ bảo quản: 5 °C - 10 °C

HDSĐ: Lắc đều trước khi uống.

Sử dụng trước thời hạn in trên bao bì.



[Signature]

KENJI IWAO

Ban quyền của công ty
YAKULT HONSHA Nhật Bản
San xuất tại: Công ty
TNNH Yakult Việt Nam
Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN VSIP, P. Bình Hòa
TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam
Điện thoại tư vấn khách hàng
020 62814236
Email: customerservice@yakult.vn
Website: www.yakult.vn
Xuất xứ: Việt Nam

8 938501 434043

Thành phần dinh dưỡng trong 100 ml	
Năng lượng	80,0 kcal
Chất đạm	1,2 g
Chất béo	< 0,1 g
Carbohydrate	18,5 g
Burging tổng số	18,0 g
Natri	18,0 mg

Thành phần: Nước, đường, sữa bột gầy
(2,2 g chất), dextrose, hương liệu tự nhiên
và gừng tự nhiên (thương mại chứa và
hương chanh), hơn 5 tỷ khuẩn probiotic
Lactobacillus paracasei Shirota

Bổ sung lợi khuẩn *Lactobacillus paracasei*
Shirota lên đến đường ruột vẫn còn sống
giúp hỗ trợ giảm nguy cơ táo bón, tiêu chảy và
hỗ trợ tăng cường sức đề kháng.
Đổi lượng sử dụng
Dùng theo hướng dẫn và thêm từ 6 tiếng tuổi trở lên
Hương dẫn sử dụng:
Lắc đều trước khi uống
Sử dụng ngay khi mở nắp
Nên duy trì đều đặn mỗi ngày
Nhiệt độ bảo quản: 5 °C - 10 °C
Sử dụng trước thời hạn in trên bao bì

Ăn ở đây
để mở

Mỗi ngày Yakult



10
chai

Mỗi ngày khỏe mạnh



医 者 から 生 ま れ た ヤ ク ル ト
TÂM HUYẾT CỦA DR. SHIROTA
BÁC SĨ NGƯỜI NHẬT



10
chai

SỮA UỐNG LÊN MEN

Thể tích thực: 650 ml (10 chai x 65 ml)

Hơn 90 năm

NGHIÊN CỨU và PHÁT TRIỂN



40 Quốc gia và vùng lãnh thổ tin dùng | Cần 40 Triệu chai mỗi ngày



KENJI IWAO

KT3-01511BHD5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/05/2025
Page 01/03

1. Tên mẫu : **PHÔI TẠO NẮP CHAI YAKULT**
Name of sample (AL FOIL YAKULT CAP)
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Description (xem hình trang 03/03/ see picture on page 03/03)
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Date of receipt
5. Thời gian thử nghiệm : 21/05/2025 - 28/05/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM**
Customer Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem các trang tiếp theo
Test results Refer to next pages

TL. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
PP. HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LAB.


Tiêu Trọng Minh Luân

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.




Phan Thành Trung

KT3-01511BHD5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/05/2025

Page 02/03

Thông tin về tiếp xúc thực phẩm/ *Food contact information*

Loại thực phẩm/ *Food type*: thực phẩm có pH < 5, không chứa cồn và chất béo/
foods with pH < 5, non-fatty and non-alcoholic

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (+)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm)/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)</i>		ASTM E 1252 – 98 (2021)		Ethylene vinyl acetate copolymer (++) + Poly-ethylene	
THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ ELUTION TEST					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô / <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	N/A	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	N/A	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	N/A	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
7.7 Hàm lượng vinylacetate trong nước sau 30 phút ở 70 °C/ <i>Vinylacetate content in water after 30 min at 70 °C</i>	mg/L	MFDS 2021 (+++)	5,0	KPH/ND	≤ 12

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01511BHD5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/05/2025
Page 03/03

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(+) Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT “National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods”.*

(++) Ethylene vinyl acetate copolymer thuộc nhóm polymer polyethylene

(+++)
MFDS 2021 Standards and Specifications for Foods Utensils, Containers and Packages.

KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected* N/A: Không áp dụng/ *Not applicable*

Diễn giải kết quả/
Interpretation of
results:

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 06 trên tổng số 06 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-1 : 2011/BYT. Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-1 : 2011/BYT.

This testing reports recorded testing results of 06 per 06 test items as regulated in QCVN 12-1 : 2011/BYT. Sample that has all testing results indicated on section No. 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-1 : 2011/BYT.



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01509BHD5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/05/2025
Page 01/03

1. Tên mẫu : PHÔI TẠO NẮP CHAI YAKULT ÍT ĐƯỜNG
Name of sample (AL FOIL YAKULT LIGHT CAP)
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
(xem hình trang 03/03/ see picture on page 03/03)
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Date of receipt
5. Thời gian thử nghiệm : 21/05/2025 - 28/05/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Customer Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem các trang tiếp theo
Test results Refer to next pages

TL. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
PP. HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LAB.

Tiêu Trọng Minh Luân

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thanh Trung

KT3-01509BHD5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

28/05/2025
Page 02/03

Thông tin về tiếp xúc thực phẩm/ *Food contact information*

Loại thực phẩm/ *Food type*: thực phẩm có pH < 5, không chứa cồn và chất béo/
foods with pH < 5, non-fatty and non-alcoholic

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (+)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm)/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)</i>		ASTM E 1252 – 98 (2021)		Ethylene vinyl acetate copolymer (++) + Poly-ethylene	
THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST					
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THỜI NHIỄM/ ELUTION TEST					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô / <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	N/A	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	N/A	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	N/A	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
7.7 Hàm lượng vinylacetate trong nước sau 30 phút ở 70 °C/ <i>Vinylacetate content in water after 30 min at 70 °C</i>	mg/L	MFDS 2021 (+++)	5,0	KPH/ND	≤ 12

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01509BHD5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/05/2025

Page 03/03

Ghi chú/ Note:

Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(+) Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm”./ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT*

“National technical regulation on safety and hygiene for synthetic resin implement, container and packaging in direct contact with foods”.

(++) Ethylene vinyl acetate copolymer thuộc nhóm polymer polyethylene

(+++)⁺ MFDS 2021 Standards and Specifications for Foods Utensils, Containers and Packages.

KPH/ND : Không phát hiện/ *Not detected* N/A: Không áp dụng/ *Not applicable*

Diễn giải kết quả/
Interpretation of
results:

Phiếu kết quả thử nghiệm trên đây ghi nhận kết quả thử nghiệm của 06 trên tổng số 06 chỉ tiêu theo quy định của QCVN 12-1 : 2011/BYT. Mẫu có kết quả thử nghiệm ở tất cả các chỉ tiêu nêu tại mục 7 của PKQTN đều phù hợp với mức qui định của QCVN 12-1 : 2011/BYT.

This testing reports recorded testing results of 06 per 06 test items as regulated in QCVN 12-1 : 2011/BYT. Sample that has all testing results indicated on section No. 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-1 : 2011/BYT.



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



Viện Pasteur
Thành phố Hồ Chí Minh

VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM Y SINH HỌC LÂM SÀNG
& DỊCH VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT

167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.28) 38.202.835 (104) - 08.28.251.252 - Email: xntppasteur@gmail.com



VILAS 209

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số: 140425-5017

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 5 ĐẠI LỘ TỰ DO, KCN VIỆT NAM-SINGAPORE, THUẬN AN, BÌNH DƯƠNG
Tên mẫu : SỮA UỐNG LÊN MEN YAKULT ÍT ĐƯỜNG NSX:14.04.25 HSD:24.05.25
Ngày nhận mẫu : 14/04/2025
Thời gian thử nghiệm : 14/04/2025 đến 18/04/2025
Tình trạng mẫu : 5 CHAI 65ML-KHÁCH HÀNG TỰ MANG ĐẾN

TT	YÊU CẦU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	PP THỬ NGHIỆM	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP
1	<i>Lactobacillus spp.</i>	720.000.000	Cfu/ml	TCVN 5522:1991	

GHI CHÚ: Phiếu kết quả này thay thế cho phiếu kết quả số 140425-5017 ban hành lần 1 ngày 21/04/2025

KẾT LUẬN:

TP. Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 4 năm 2025

PKN. VI SINH THỰC PHẨM

TL. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM XNYSHLS

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt



Nguyễn Ngọc Anh Tuấn

1. Dấu (*) là chỉ tiêu được VILAS công nhận; (**) là chỉ tiêu thực hiện bởi nhà thầu phụ.
2. Kết quả này không phải là giấy chứng nhận sản phẩm, phải được sử dụng theo quy định, các bản trích sao phiếu kết quả này đều không có giá trị nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur TP. HCM.
3. Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến PTN. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
4. Phòng kiểm nghiệm chỉ lưu mẫu thực phẩm kiểm nghiệm lý hoá trong 3 ngày sau khi trả kết quả kiểm nghiệm.

KT3-02178BTP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 24/04/2025
 Page 01/01

1. Tên mẫu
Name of sample : SỮA UỐNG LÊN MEN YAKULT ÍT ĐƯỜNG
(YAKULT LIGHT FERMENTED MILK DRINK)
NSX: 12.04.25
HSD: 22.05.25
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 14/04/2025
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 14/04/2025 – 24/04/2025
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, Tp. Thuận An, Bình Dương, VN
7. Kết quả thử nghiệm
Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng natri, Sodium content	mg/100 mL QTTN/KT3 197 : 2018 (Ref: AOAC (2015.06))	16,5

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



Test Report No.VNT/F25/047907
Dated 07/05/2025
Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/047907
Ngày 07/05/2025

**Add value.
Inspire trust.**

Note: This report is issued subject to the Testing and Certification, Validation and Verification Regulations of the TÜV SÜD Group and the General Terms and Conditions of Business of TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. In addition, this report is governed by the terms set out within this report.

Lưu ý: Báo cáo này được phát hành tuân theo Quy định về Chứng nhận và Thử nghiệm, Xác minh và Xác nhận của Tập đoàn TÜV SÜD cũng như Điều khoản và Điều kiện Kinh doanh Chung của Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam. Ngoài ra, báo cáo này chịu sự điều chỉnh của các điều khoản được nêu trong báo cáo.

Applicant

Tên khách hàng

: **YAKULT VIET NAM CO., LTD**

CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM

No. 05 Tu Do Boulevard, Việt Nam-Singapore Industrial Park,
Binh Hoa Ward, Thuan An City, Binh Duong Province, Viet Nam.

Số 5 Đại Lộ Tự Do, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore,

Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Attention

Người liên hệ

: Ms. Yen

Date of receiving

Ngày nhận mẫu

: 29/04/2025 (15:00)

Temperature of sample as received

Nhiệt độ bề mặt của mẫu khi nhận

: Room temperature

Nhiệt độ thường

State of sample as received

Mô tả tình trạng mẫu khi nhận

: Sample intact in plastic jar

Mẫu nguyên vẹn trong hũ nhựa

Test Period

Thời gian thử nghiệm

: 29/04/2025 – 07/05/2025

Sample Description

Tên mẫu

: Sữa uống lên men Yakult ít đường
(Yakult Light fermented milk drink)

NSX: 28.04.25 , HSD: 07.06.25



Note: The submitted samples were not taken by laboratory/ Mẫu gửi không được lấy bởi Phòng thử nghiệm

The information was provided by client/ Thông tin được cung cấp bởi khách hàng

Sample storage period 1 week after issuing the test report/ Thời gian lưu mẫu 1 tuần sau khi phát hành báo cáo thử nghiệm

This testing result is only valid on the tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử



The results reported herein have been performed in accordance with the terms of accreditation under the Vietnam Bureau of Accreditation. Tests marked (*) "Not Accredited" in this Report are not included in the BoA Accreditation Schedule for our laboratory.

Các kết quả được báo cáo ở đây đã được thực hiện theo các điều khoản công nhận của Văn phòng Công nhận Việt Nam. Các chỉ tiêu được đánh dấu (*) là "Chưa được Công nhận" trong Báo cáo này chưa có trong danh mục công nhận của BoA cho phòng thí nghiệm.

Laboratory:
TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.
Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group
III, Tân Bình I.P., Tây Thanh Ward, Tân
Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone : +84-28-62678506
Fax : +84-28-62678511
E-Mail: info.vn@tuvsud.com
<https://www.tuvsud.com/vi-vn>

Regional Head Office:
TÜV SÜD Asia Pacific Pte. Ltd.
15 International Business Park
TÜV SÜD @ IBP
Singapore 609937
TUV®

Test Report No.VNT/F25/047907
Dated 07/05/2025
Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/047907
Ngày 07/05/2025



TEST RESULTS/ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

No. STT	Specification Chỉ tiêu	Unit Đơn vị	Method Phương pháp	Result Kết quả	Detection Limit Giới hạn phát hiện
1.	Energy Năng lượng	Kcal/100mL	Calculate from fat, protein, carbohydrate (*)	61.32	-
2.	Carbohydrate (excluding Dietary Fiber) Carbohydrat (không bao gồm chất xơ)	g/100mL	Ref. AOAC 986.25 & Calculate (*)	13.41	-



Checked By

Hoang Thi Hai Yen
Operation Manager

Authorized By



Nguyen Thi Chan
FHB Manager

Test Report No.VNT/F25/047907
Dated 07/05/2025
Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F25/047907
Ngày 07/05/2025



Please note that this Report is issued under the following terms :

1. This report applies to the sample of the specific product/equipment given at the time of its testing. The results are not used to indicate or imply that they are applicable to other similar items. In addition, such results must not be used to indicate or imply that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. approves, recommends or endorses the manufacturer, supplier or user of such product/equipment, or that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. in any way "guarantees" the later performance of the product/equipment. Unless otherwise stated in this report, no tests were conducted to determine long term effects of using the specific product/equipment.
2. The sample/s mentioned in this report is/are submitted/supplied/manufactured by the Client. TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. therefore assumes no responsibility for the accuracy of information on the brand name, model number, origin of manufacture, consignment or any information supplied.
3. Nothing in this report shall be interpreted to mean that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. has verified or ascertained any endorsement or marks from any other testing authority or bodies that may be found on that sample.
4. This report shall not be reproduced wholly or in parts and no reference shall be made by the Client to TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. or to the report or results furnished by TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. in any advertisements or sales promotion.
5. Unless otherwise stated, the tests were carried out in TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd., Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III, Tan Binh I.P, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
6. The tests carried out by TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. and this report is subject to TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.'s General Terms and Conditions of Business and the Testing and Certification, Validation and Verification Regulations of the TÜV SÜD Group.

Effective 01 April 2024

Xin lưu ý rằng Báo cáo này được phát hành theo các điều khoản sau:

1. Báo cáo này áp dụng cho mẫu sản phẩm/thiết bị cụ thể được cung cấp tại thời điểm thử nghiệm. Các kết quả không được sử dụng để biểu thị hoặc ngụ ý rằng chúng có thể áp dụng cho các mặt hàng tương tự khác. Ngoài ra, không được sử dụng các kết quả đó để chỉ ra hoặc ngụ ý rằng Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam phê duyệt, khuyến nghị hoặc xác nhận nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc người sử dụng sản phẩm/thiết bị đó hoặc Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào "đảm bảo" hiệu suất sau này của sản phẩm/thiết bị. Trừ khi có quy định khác trong báo cáo này, không có thử nghiệm nào được tiến hành để xác định tác động lâu dài của việc sử dụng sản phẩm/thiết bị cụ thể.
2. (Các) mẫu được đề cập trong báo cáo này là/được gửi/cung cấp/sản xuất bởi Khách hàng. Do đó, Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam không chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về tên thương hiệu, số model, nguồn gốc sản xuất, lô hàng hoặc bất kỳ thông tin nào được cung cấp.
3. Không nội dung nào trong báo cáo này được hiểu là Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam đã xác minh hoặc xác nhận bất kỳ chứng thực hoặc dấu hiệu nào từ bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức kiểm định nào khác có thể tìm thấy trên mẫu đó.
4. Báo cáo này sẽ không được sao chép toàn bộ hoặc từng phần và Khách hàng sẽ không tham chiếu đến Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam hoặc báo cáo hoặc kết quả do Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam cung cấp trong bất kỳ quảng cáo hoặc khuyến mại nào.
5. Trừ khi có quy định khác, các thử nghiệm được thực hiện tại Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam, Lô III-26, Đường 19/5A, Cụm Công nghiệp III, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
6. Các thử nghiệm do Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam thực hiện và báo cáo này tuân theo Điều khoản và Điều kiện Kinh doanh chung của Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam cũng như Quy định Chứng nhận và Thử nghiệm, Xác minh và Xác nhận của Tập đoàn TÜV SÜD.

Hiệu lực từ ngày 01 tháng 04 năm 2024.

-- END OF TEST REPORT/ KẾT THÚC BÁO CÁO THỬ NGHIỆM --

KT3-02687BTP5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/05/2025
Page 01/01

1. Tên mẫu : SỮA UỐNG LÊN MEN YAKULT ÍT ĐƯỜNG
Name of sample (YAKULT LIGHT FERMENTED MILK DRINK)
NSX: 28.04.25
HSD: 07.06.25
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu
Sample description do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer,
sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 29/04/2025
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 05/05/2025 – 08/05/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Customer Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa,
Tp. Thuận An, Bình Dương, VN
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Tỷ trọng tương đối ở 20/20°C Relative density at 20/20 °C	QTTN/KT3 191 : 2018	1,0576

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Số 5, Đại lộ Tự do, KCN Việt Nam-Singapore
Bình Hòa, Thuận An, Bình Dương
Số: 2104/2025/TGD-UQ-JP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

Bình Dương, ngày 21 tháng 04 năm 2025

GIẤY ỦY QUYỀN

Bên ủy quyền:

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Địa chỉ: Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam – Singapore, phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
MSDN: 3700723994
Số điện thoại: 0274-3769 246 Số Fax: 0274-3769 242
Người đại diện theo pháp luật: TOSHIHIKO HARAMOTO (Ông)
Sinh ngày: 19 tháng 08 năm 1958
Hộ chiếu số: TZ2268354, cấp ngày: 23/09/2024, tại: Tổng lãnh sự quán Nhật Bản tại Thành phố Hồ Chí Minh
Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty, Người đứng đầu chi nhánh công ty TNHH Yakult Việt Nam tại Hà Nội.

Bằng giấy này, chúng tôi ủy quyền cho:

Bên được ủy quyền:

Họ và tên: MORITA TOSHIMITSU
Ngày tháng năm sinh: 08/09/1986
Số hộ chiếu: TT2931509 cấp ngày: 23/01/2023 tại: Bộ Ngoại giao Nhật Bản
Chức vụ: Trưởng phòng kinh doanh.

các nội dung sau đây:

Bên được ủy quyền là đại diện thường trực của Bên Ủy quyền tại chi nhánh công ty TNHH Yakult Việt Nam tại Hà Nội, có các chức năng và quyền hạn sau:

- Đại diện cho bên Ủy quyền ký các hợp đồng mua bán giao kết với các đối tác và khách hàng, ký các loại hóa đơn, chứng từ, biểu mẫu sử dụng trong nội bộ chi nhánh, nội bộ công ty.
- Đại diện cho Bên ủy quyền ký tất cả các văn bản, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ và giấy tờ liên quan đến thủ tục hành chính, hoạt động kinh doanh, hoạt động đối nội, đối ngoại của chi nhánh công ty TNHH Yakult Việt Nam tại Hà Nội.
- Đại diện cho Bên Ủy quyền làm việc với các cơ quan chức năng, các đối tác trong tất cả các vấn đề liên quan đến thủ tục hành chính, hoạt động kinh doanh, hoạt động đối nội, đối ngoại của chi nhánh công ty TNHH Yakult Việt Nam tại Hà Nội.

Giấy ủy quyền này thay thế cho các Giấy ủy quyền đã ban hành trước đó, có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến ngày Bên Ủy quyền có quyết định rút lại sự ủy quyền bằng một văn bản khác.

Tôi, Toshihiko Haramoto, người đại diện của Bên ủy quyền, xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi cam kết do Bên được ủy quyền nhân danh tôi thực hiện trong phạm vi ủy quyền nêu trên. Tôi công nhận đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc ủy quyền.

BÊN ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký và ghi rõ họ tên)

MORITA TOSHIMITSU

BÊN ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TOSHIHIKO HARAMOTO



CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM-SINGAPORE
VIETNAM-SINGAPORE INDUSTRIAL PARK J.V.CO.,LTD

Địa chỉ (Address): Số 8 Đại Lộ Hữu Nghị, KCN Việt Nam-Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố
Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại (Tel): (84) 0274 3743 898 Fax: (84) 0274 3743 868 Website: www.vsip.com.vn

Mã số thuế (Company Tax Code): 3 7 0 0 2 3 0 0 7 5

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Ký hiệu (Serial): 1C24TVS

Số (No.): 6261

Ngày (Date) 04 tháng (month) 04 năm (year) 2024

MCCQT : 00B674996D7A904F62A2F8097AA469BADE

Họ tên người mua hàng (Customer's name):

Tên đơn vị (Company's name): Công Ty TNHH Yakult Vietnam

Mã số thuế (Tax code): 3700723994

Địa chỉ (Address): Số 5 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam- Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, VN

Hình thức thanh toán (Payment term): CK

Tỷ giá (Ex. rate):

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Name of goods, service)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền (Amounts)	Thuế suất (VAT rate)
1	Tiền nước (Water 03/2024)	M3	10.874			5%
2	Phí xử lý nước thải (Sewage 03/2024)	M3	8.699,2			8%
Cộng tiền hàng trước thuế GTGT (Total amount excluding VAT):						

Tổng hợp (In summary)	Thuế suất (VAT rate)	Trị giá trước thuế VAT (Amount excluding VAT)	Tiền thuế GTGT (VAT amount)	Trị giá thanh toán (Amount including VAT)
Hàng hóa, dịch vụ KKKNT GTGT (Goods, services exempt VAT)	-			
Hàng hoá, dịch vụ KCT GTGT (Goods, services not subject to VAT)	-			
Hàng hoá, dịch vụ chịu thuế suất (Goods, service subject to VAT rate)	0%			
	5%			
	8%			
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):				

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words):

Thông tin tài khoản ngân hàng (Bank accounts information):

DBS Bank Ltd., Ho Chi Minh City Branch
11th Floor, Saigon Centre
65 Le Loi Boulevard, District 1, HCM City,
Vietnam
A/C No. (USD): 30000107689
A/C No. (VND): 30000106989
Swift code: DBSSVNVX

BIDV - Binh Duong Southern Branch
10 Dai Lo Huu Nghi, Thuan An City,
Binh Duong Province,
Vietnam
A/C No. (USD): 6510000027
A/C No. (VND): 6510000014
Swift code: BIDVNVX

Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.,
Ho Chi Minh Branch,
Saigon Trade Center, Unit G11, 37 Ton Duc Thang,
District 1, HCM City, Vietnam
A/C No. (USD): 99105241188
A/C No. (VND): 99105241177
Swift code: SCBLNVXHCM

Người mua hàng
(Buyer)

Người bán hàng
(Seller)



CÔNG TY LIÊN DOANH TNHH KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT
NAM-SINGAPORE

540101080C50AC0015C7915AEA476061

Ngày ký: 2024-04-04T16:30:09



TỔNG CỤC THUẾ

75580955FC81D6A7

Ngày ký: 2024-04-04T16:35:20

Hóa đơn điện tử (HĐĐT) được tra cứu trực tuyến tại <https://tracuu.xuathoadon.vn> Mã nhận hóa đơn :

KANEMATSU CHEMICALS CORPORATION

TT-2 Building, 10th Floor, 8-1, Nihonbashi-Ningyo-cho 3-Chome
Chuo-ku, Tokyo 103-0013, Japan
TEL : 81-3-5643-3010 FAX : 81-3-5643-3017

INVOICE

CONSIGNEE TO: YAKULT VIETNAM CO., LTD. NO. 5, TU DO BOULEVARD, VIETNAM – SINGAPORE INDUSTRIAL PARK, BINH HOA WARD, THUAN AN CITY, BINH DUONG PROVINCE, VIETNAM	INVOICE NO. XVD91-1272Z DATE: 31 January, 2024
ACCOUNTTEE: YAKULT VIETNAM CO., LTD. NO.195, TRUONG VAN BANG STREET, QUARTER 1, THANH MY LOI WARD, DISTRICT 2, HO CHI MINH CITY, VIET NAM	PO NO. KA23-16-2
	PAYMENT: T.T.REMITTANCE 80DAYS AFTER B/L DATE
	SHIPPED PER: OOCL PIRAEUS V.003E
	DATE OF SHIPMENT: Jan. 31, 2024
FROM GDANSK, POLAND TO CAT LAI, VIETNAM	
MARKS & NOS.	QUANTITY DESCRIPTION UNIT PRICE AMOUNT

CIF CAT LAI PORT, HO CHI MINH CITY

PER MT

22.5 MT SKIMMED MILK POWDER
(900BAGS)

US\$

US\$

TOTAL:

US\$

COUNTRY OF ORIGIN : POLAND
FREIGHT PREPAID
INSURANCE TO BE COVERED BY THE SELLER

PACKING : NET 25KGS IN A BAG

Manufactured by PHZ SM Lacpol Sp. Z o.o.
UL. HOZA 51, 00-681 Warszawa, POLAND

BANK DETAILS

MUFG Bank, Ltd.

7-1, MARUNOUCHI 2-CHOME, CHIYODA-KU, TOKYO 100-8388 JAPAN

BENEFICIARY : KANEMATSU CHEMICALS CORPORATION

SWIFT : BOTKJPJT

ACCOUNT NO : 001-0820181

[CAUTION] Be aware of Business E-mail Compromise / foreign remittance fraud.

If and when you receive an e-mail instructing the change of the bank account for remittance,

it is highly recommended to create suspicion of fraud.

In such case, you need to verify the authenticity by making a phone call
to our sales representative whom you usually communicate with.

KANEMATSU CHEMICALS CORPORATION


P.P.MANAGER
LIFE SCIENCE DEPARTMENT

Yakult

YAKULT HONSHA CO., LTD.
1-10-30 KAIGAN, MINATO-KU, TOKYO,
105-8660 JAPAN

PHONE: 81-3-6625-8972
FAX : 81-3-6747-8008

INVOICE

To. YAKULT VIETNAM CO., LTD.
5th Tu Do Boulevard, Vietnam Singapore Industrial
Park, Binh Hoa Ward, Thuan An City,
Binh Duong Province, Vietnam TAX ID : 3700723994
TEL: 84-274-3769-246 FAX: 84-274-3769-242

INVOICE NO. YV2023-125
Date: March 20, 2024

Shipping Mark

Consignee. YAKULT VIETNAM CO., LTD.
5th Tu Do Boulevard, Vietnam Singapore Industrial
Park, Binh Hoa Ward, Thuan An City,
Binh Duong Province, Vietnam TAX ID : 3700723994
Shipped Per: INTERASIA PURSUIT V. S062

YAKULT

On or About: MARCH 20, 2024

YV2023-125
C/NO. 1-6
HOCHIMINH, VIETNAM
MADE IN JAPAN

From: YOKOHAMA, JAPAN

To: HOCHIMINH, VIETNAM

Payment: T.T. REMITTANCE WITHIN 60 DAYS AFTER THE SHIPMENT

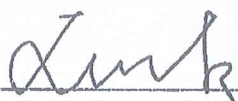
BANK NAME: MIZUHO BANK, LTD. KYOBASHI BRANCH

ACCOUNT NO.: 024-0144913

Description	Quantity	Unit Price	Amount
<u>G. I. F. HOCHIMINH</u>			
1 YOGURT FLAVOR 40N (20kg/PLASTIC CONTAINER)	2,160 KGS		
TOTAL:		2,160 KGS	
		***** **	***** **

*REMARKS
ORIGIN: JAPAN
FREIGHT: PREPAID

YAKULT HONSHA CO., LTD.


INTERNATIONAL BUSINESS
DEPARTMENT

Yakult

YAKULT HONSHA CO., LTD.

1-10-30 KAIGAN, MINATO-KU, TOKYO,
105-8660 JAPAN

PHONE: 81-3-6625-8972

FAX : 81-3-6747-8008

INVOICE

To. YAKULT VIETNAM CO., LTD.

5th Tu Do Boulevard, Vietnam Singapore Industrial
Park, Binh Hoa Ward, Thuan An City,
Binh Duong Province, Vietnam TAX ID : 3700723994
TEL: 84-274-3769-246 FAX: 84-274-3769-242

INVOICE NO. YV2023-131

Date: March 4, 2024

Shipping Mark

AS ADDRS.

Consignee. YAKULT VIETNAM CO., LTD.

5th Tu Do Boulevard, Vietnam Singapore Industrial
Park, Binh Hoa Ward, Thuan An City,
Binh Duong Province, Vietnam TAX ID : 3700723994

Shipped Per: AIRCRAFT

On or About: MARCH 26, 2024

From: TOKYO, JAPAN

To: HOCHIMINH, VIETNAM

Payment: T.T. REMITTANCE WITHIN 60 DAYS AFTER THE SHIPMENT

BANK NAME: MIZUHO BANK, LTD. KYOBASHI BRANCH

ACCOUNT NO. : 024-0144913

Description	Quantity	Unit Price	Amount
C. I. F. HOCHIMINH			
1 YAKULT OIL GY-27 (1 KG/BOTTLE)	8 KGS		
TOTAL:	8 KGS		
	* **		*****

*REMARKS

ORIGIN: JAPAN

FREIGHT: PREPAID

KEEPING PLACE : The above item should be kept
3°C ~ 10°C

TOTAL: 2CTNS

YAKULT HONSHA CO., LTD.



INTERNATIONAL BUSINESS
DEPARTMENT



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (date) 10 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1C24TCC
Số (No.): 14237

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Địa chỉ (Address): Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 3600495818

Điện thoại (Tel): 02513 836199

Fax: 02513 836213

Số tài khoản (Account No.):

Ngân hàng (Bank):

Đơn vị mua hàng (Buyer): CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM

Mã số thuế (Tax code): 3700723994

Số tài khoản (A/C No.):

Địa chỉ (Address): Số 5 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam-Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương, VN

Tên người đại diện mua hàng (Customer's name):

Địa điểm giao hàng (Place of delivery):

Hình thức thanh toán (Payment method): CK

Thời hạn thanh toán (Payment term): 30/04/2024

Tham chiếu hợp đồng số (Contract reference No.): D24-274-4

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	Đơn vị tính (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)	Thuế suất (Tax rate)	Tiền thuế (VAT amount)	Thành tiền sau thuế (Amount included VAT)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Đường tinh luyện cao cấp 50kg	Kg	30.000			5%		
CỘNG TIỀN HÀNG (Total amount):								
TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN (Total payment):								

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words):

Tổng tiền không chịu thuế:

Tổng tiền chịu thuế 0%:

Tổng tiền chịu thuế 5%:

Tổng tiền chịu thuế 8%:

Tổng tiền chịu thuế 10%:

Tổng tiền thuế GTGT 5%:

Tổng tiền thuế GTGT 8%:

Tổng tiền thuế GTGT 10%:

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Signature valid

Ký bởi CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG BIÊN HÒA

Ký ngày 10/04/2024

Mã của cơ quan thuế: 000C43D4DC663748E2B1B0581DFFFD1968

Đơn vị cung cấp dịch vụ Hóa đơn điện tử: Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), MST: 0100109106
Tra cứu hóa đơn điện tử tại Website: <https://vinvoice.viettel.vn/utilities/invoice-search>. Mã số bí mật:



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 08 tháng 04 năm 2024

Mã của cơ quan thuế: 00806C8683A9A748BEA807A7534DA9D2AC

Ký hiệu (Serial): 1C24TTL

Số (No): 1594

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI MINH THÁI LỘC

Mã số thuế (Tax Code): 0314143062

Địa chỉ (Address): 217 Nguyễn Văn Lượng, Phường 10, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại (Tel:): (028) 22 532 350 Email:

Số tài khoản (Acct No.): 38 66 888 Tại: Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Văn Lang, TP. Hồ Chí Minh

Họ và tên người mua hàng (Buyer):

Tên đơn vị (Company's name): Công ty TNHH Yakult Việt Nam

Địa chỉ (Address): Số 5 Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, Tp. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam

Số tài khoản (Acct No.):

Hình thức thanh toán (Payment method):

TM/CK

Mã số thuế (Tax Code): 3700723994

STT (No)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền chưa thuế GTGT (Amount excluding VAT)	Thuế suất (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (Amount VAT)
1	2	3	4	5	6=4x5	7	8=6x7
1	Nguyên liệu thực phẩm: Dextrose Monohydrate (Đường Dextrose) PO: D24-186-3	Kg	5.000			5%	
Tổng hợp (Insummary)		Thuế suất (VAT rate)	Tổng tiền chưa thuế (Amount excluding VAT)		Tổng tiền thuế (Amount VAT)	Trị giá thanh toán (Amount including VAT)	
Hàng hóa chịu thuế suất:		10%					
Hàng hóa chịu thuế suất:		8%					
Hàng hóa chịu thuế suất:		5%					
Hàng hóa chịu thuế suất:		0%					
Hàng hóa không chịu thuế GTGT:		KCT					
Hàng hóa không kê khai nộp thuế:		KKKNT					
Tổng tiền thanh toán (Total of payment):							
Bằng chữ (In words):							

Người mua hàng (Buyer)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Người bán hàng (Seller)

(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)

Signature Valid

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI
MINH THÁI LỘC

Ngày ký: 08/04/2024 16:07:20

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://hoadondientu.vacom.vn/tra-cuu.html> Mã tra cứu:

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - NPP: Công Ty Cổ Phần VACOM - 0102236276 - SĐT: 0931 133 233)

CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
SỐ 13/YAKULT VIETNAM/2024

SỮA UÔNG LÊN MEN YAKULT ÍT ĐƯỜNG

2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 13/YAKULT VIETNAM/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: Công ty TNHH Yakult Việt Nam

Địa chỉ: Số 5, Đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam.

Điện thoại: (0274) 3769 246

Fax: (0274) 3769 242

E-mail: generalaffair@yakult.vn

Mã số doanh nghiệp: 3700723994

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Công ty TNHH Yakult Việt Nam không thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP.

Công ty đã được cấp: - Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm – ISO 22000.

- Giấy chứng nhận HACCP.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Sữa uống lên men Yakult ít đường.

Nhóm thực phẩm: Thực phẩm bổ sung.

2. Thành phần:

Nước, chất tạo ngọt xi-rô maltitol tổng hợp, đường (5 g/chai), sữa bột gầy (2,2 g/chai), dextrose, hương sữa chua tự nhiên và giống tự nhiên, chất tạo ngọt tổng hợp (955), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic *Lactocaseibacillus paracasei* Shirota.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

40 ngày kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Thể tích thực: 65 ml/chai.

+ Được đóng gói thành: 5 chai/lốc; 10 chai/lốc.



- Chất liệu bao bì:

+ Bao bì trực tiếp: Đóng chai PS (polystyrene), nắp nhôm đảm bảo yêu cầu theo QCVN 12-1:2011/BYT.

+ Bao bì gián tiếp: Nhãn chai PS (polystyrene), màng OPP (Oriented polypropylene).

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Tên cơ sở: Công ty TNHH Yakult Việt Nam.

Địa chỉ: Số 5, Đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 5-5:2010/BYT Quy chuẩn quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men.
- TCVN 13368:2021 Sản phẩm đồ uống chứa Probiotic Lactobacilli.
- Tiêu chuẩn nhà sản xuất số: 13-TCCS/YAKULT VIETNAM/2024.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bình Dương, ngày 01 tháng 03 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



KENJIWAO
Phó Tổng Giám Đốc



TIÊU CHUẨN NHÀ SẢN XUẤT

Tên công ty	Thực phẩm bổ sung	Số: 13-TCCS/YAKULT VIETNAM/2024
Công Ty TNHH Yakult Việt Nam	Sữa uống lên men Yakult ít đường	Có giá trị từ ngày: 01/03/2024

1. YÊU CẦU KỸ THUẬT:

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

STT	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Dạng lỏng.
2	Màu sắc	Vàng nhạt.
3	Mùi vị	Mùi thơm dịu, có vị hơi chua.

1.2. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố	Tài liệu
1	Tỷ trọng	-	1,0566 - 1,0586	
2	Hàm lượng protein	g/100ml	1,15 - 1,35	Theo TCVN 7030:2016 (CODEX STAN 243-2003, soát xét 2010)
3	Hàm lượng chất béo	g/100ml	$\leq 0,5$	
4	Hàm lượng carbohydrate	g/100ml	13,0 - 15,5	
5	Đường tổng số	g/100ml	7,5 - 11,5	
6	Hàm lượng Natri	mg/100ml	18,7 - 28,1	
7	Hàm lượng <i>L. paracasei</i> <i>Shirota</i>	CFU/ml	$\geq 1 \times 10^8$	
8	Năng lượng	kcal/100ml	55 - 70	

1.3. Các chỉ tiêu vi sinh vật: (Theo QCVN 5-5:2010/BYT và tiêu chuẩn chất lượng Yakult)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Coliforms	CFU/ml	Không có
2	<i>E. coli</i>	CFU/ml	Không có
3	<i>S. aureus</i>	CFU/ml	Không có
4	Salmonella	CFU/25ml	Không có
5	<i>Listeria monocytogenes</i>	CFU/ml	Không có
6	TS nấm men - nấm mốc	CFU/ml	Không có

1.4. Hàm lượng kim loại nặng: (Theo QCVN 5-5:2010/BYT)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen	mg/kg	0,5
2	Chì	mg/kg	0,02
3	Thủy ngân	mg/kg	0,05
4	Cadimi	mg/kg	1,0
5	Stibi	mg/kg	1,0

1.5. Hàm lượng hóa chất không mong muốn: (Theo QCVN 5-5:2010/BYT)

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5
2	Melamin	mg/kg	2,5
3	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, dư lượng thuốc thú y phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm sữa lên men QCVN 5-5:2010/BYT.		

2. THÀNH PHẦN CẤU TẠO:

Nước, chất tạo ngọt xi-rô maltitol tổng hợp, đường (5 g/chai), sữa bột gầy (2,2 g/chai), dextrose, hương sữa chua tự nhiên và giống tự nhiên, chất tạo ngọt tổng hợp (955), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic *Lacticaseibacillus paracasei* Shirota.

3. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

40 ngày kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng ghi trên nhãn sản phẩm.

4. CÔNG DỤNG VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG:

4.1. Công dụng

Bổ sung lợi khuẩn *Lacticaseibacillus paracasei* Shirota tiến đến đường ruột vẫn còn sống giúp hỗ trợ:

- Tăng vi khuẩn có lợi và cân bằng hệ vi sinh đường ruột.
- Giảm nguy cơ hình thành các chất gây hại trong đường ruột.
- Giảm nguy cơ mắc táo bón và tiêu chảy.
- Tăng cường sức đề kháng.

4.2. Đối tượng sử dụng:

Dùng cho người lớn và trẻ em từ 6 tháng tuổi trở lên.

5. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG, BẢO QUẢN VÀ THÔNG TIN CẢNH BÁO:

5.1. Hướng dẫn sử dụng:

Lắc đều trước khi uống.

Sử dụng ngay khi mở nắp.

Nên duy trì đều đặn mỗi ngày.

072396
CÔNG TY
TNHH
AKUI
IET N
VAN - T.B

5.2. Hướng dẫn bảo quản:

Nhiệt độ bảo quản: 5⁰C - 10⁰C.

5.3. Thông tin cảnh báo:

Sử dụng trước thời hạn in trên bao bì.

6. CHẤT LIỆU BAO BÌ VÀ QUY CÁCH ĐÓNG GÓI:

6.1. Chất liệu bao bì:

Bao bì trực tiếp: Đóng chai PS (polystyrene), nắp nhôm đảm bảo yêu cầu theo QCVN 12-1:2011/BYT.

Bao bì gián tiếp: Nhãn chai PS (polystyrene), màng OPP (Oriented polypropylene).

6.2. Quy cách đóng gói:

Thể tích thực: 65 ml/chai.

Được đóng gói thành: 5 chai/lốc; 10 chai/lốc.

7. QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ THUYẾT MINH QUY TRÌNH SẢN XUẤT:

Xem phụ lục 01.

8. CÁC BIỆN PHÁP PHÂN BIỆT THẬT, GIẢ:

Mặt sau của màng OPP tại vị trí “ấn ở đây để mở” luôn có 2 hàng lỗ thông khí song song chạy dọc chiều dài của bao bì.

9. NỘI DUNG GHI NHÃN:

Xem nhãn đính kèm.

10. XUẤT XỨ VÀ THƯƠNG NHÂN CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA:

1. Xuất xứ: Công Ty TNHH Yakult Việt Nam.

Địa chỉ: Số 5 Đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam.

Loại hình: Sản xuất sản phẩm Sữa uống lên men Yakult ít đường dùng để tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

2. Thương nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công Ty TNHH Yakult Việt Nam.

Địa chỉ: Số 5 Đại lộ Tự Do, khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam.

Đại diện: Ông Toshihiko Haramoto – Tổng giám đốc.

ĐT: 0274. 3769 246 FAX: 0274. 3769 242

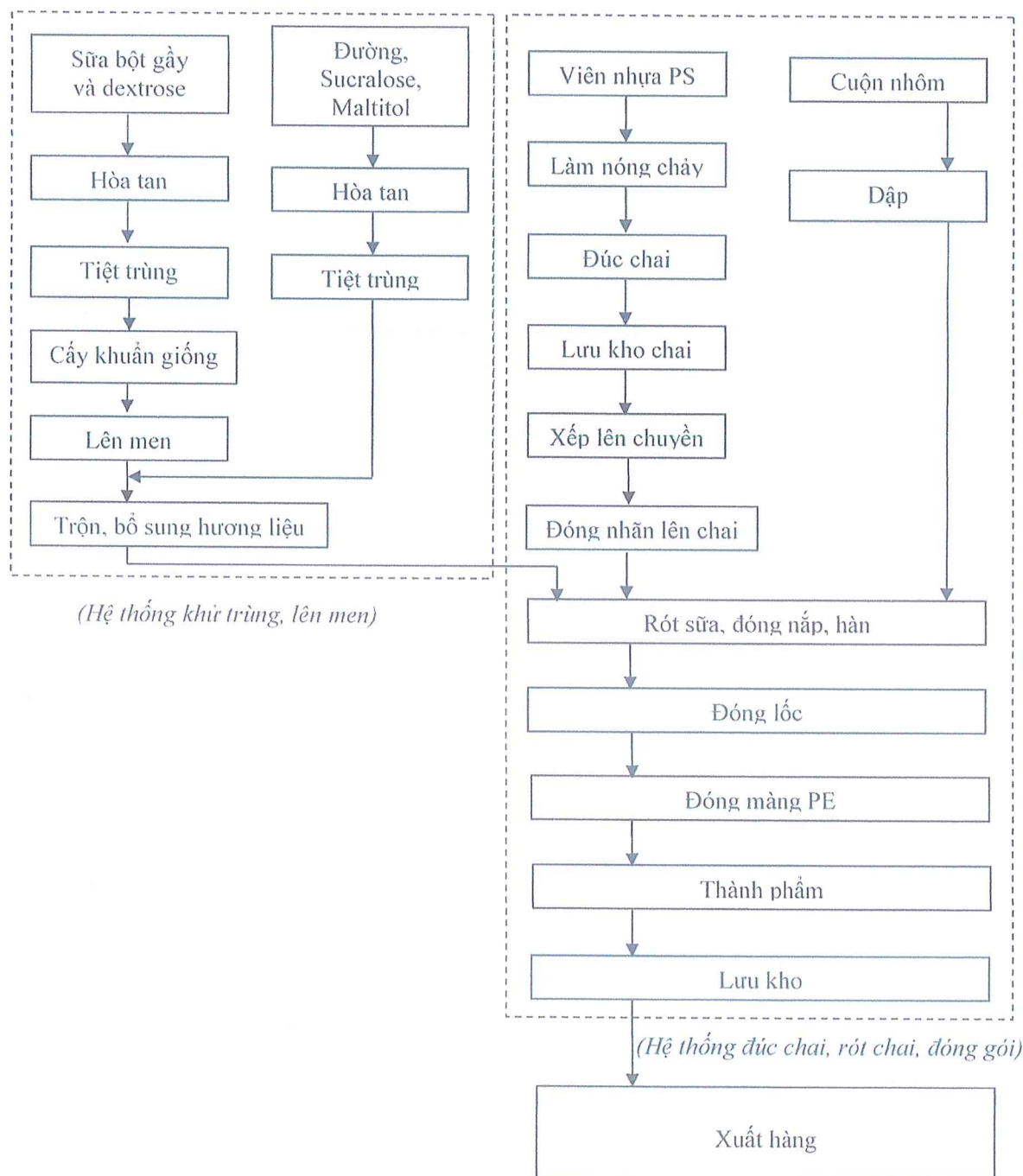
Bình Dương, ngày 01 tháng 03 năm 2024
CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM

KENJI IWAO
Phó Tổng Giám Đốc

PHỤ LỤC 01

QUY TRÌNH SẢN XUẤT VÀ THUYẾT MINH QUY TRÌNH SẢN XUẤT

1. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất:



2. Thuyết minh quy trình sản xuất:

- Hệ thống khử trùng, lên men:

Nguyên liệu sữa bột gầy và dextrose được hòa tan với nước sau đó được chuyển qua công đoạn tiệt trùng, sau khi tiệt trùng, hỗn hợp sữa được chứa trong bồn lên men và bắt đầu công đoạn cấy khuẩn giống và lên men.

Đồng thời, nguyên liệu đường, sucralose, maltitol cũng được hòa tan thành dung dịch nước đường và được tiệt trùng. Hỗn hợp sữa sau lên men ở trên được trộn lẫn với dung dịch nước đường và hương liệu để tạo thành dịch sữa bán thành phẩm, được chứa ở bồn lưu trữ lạnh chờ pha loãng và rót chai.

- Hệ thống đúc chai, rót chai, đóng gói:

Viên nhựa PS được bơm hút vào máy đúc chai, qua công đoạn làm nóng chảy, sau đó được đúc khuôn thành chai và được lưu vào bồn chứa chai.

Tiếp theo, chai được đưa vào máy xếp chai lên chuyền, qua công đoạn đóng nhãn lên chai. Hỗn hợp sữa bán thành phẩm đã được trộn ở quy trình lên men (được trình bày trong phần trên) được rót vào chai, sau đó chai được đóng nắp nhôm và hàn nắp, sau đó tiếp tục chạy theo băng chuyền qua máy đóng lốc bằng màng OPP, và đóng gói lần cuối bằng màng PE. Thành phẩm được lưu vào kho lạnh.

- Xuất hàng:

Thành phẩm được xuất kho và vận chuyển trên các xe tải lạnh, nhiệt độ đảm bảo theo quy định.



Bình Dương, ngày 01 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM



KENJIWAO
Phó Tổng Giám Đốc



KENJI IWAO
 Phó Tổng Giám Đốc
 Giám Đốc - Khối Sản Xuất và Nhà Máy

Mỗi ngày Yakult

An ở đây để mở



Mỗi ngày khỏe mạnh



ít Đường
 Light

Thực phẩm bổ sung PROBIOTIC

SỮA UỐNG LÊN MEN

Thể tích thực: 32.5 ml (5 chai x 6.5 ml)

Hỗ trợ tăng cường sức đề kháng

Hỗ trợ giảm nguy cơ táo bón và tiêu chảy



Lợi khuẩn L. paracasei Shirota

Ban quyền của công ty
 YAKULT HONSHA NHẬT BẢN
 Sản xuất tại Công ty
 TNHH Yakult Việt Nam
 Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN VSIP, P. Bình Hòa
 TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam
NHÀ MÁY ĐẠT TIÊU CHUẨN HACCP VÀ ISO 22000
 Điện thoại tư vấn khách hàng: 028 62814235
 Email: customerservice@yakult.vn
 Website: www.yakult.vn
 Xuất xứ: Việt Nam



Thành phần dinh dưỡng trong 100ml

Năng lượng	61.0 kcal
Chất đạm	1.2 g
Chất béo	≤ 0.5 g
Carbohydrate	14.1 g
Đường tổng số	9.5 g
Natri	21.0 mg

Bổ sung lợi khuẩn Lactococcus paracasei Shirota
 Sản phẩm tiêu dùng một lần cho song giúp hỗ trợ giảm nguy cơ táo bón, tiêu chảy và hỗ trợ tăng cường sức đề kháng.

Đặt tương sử dụng:
 Dùng vào ngày uống và để em từ 6 tháng tuổi trở lên.

Hướng dẫn sử dụng:
 Lắc đều trước khi uống.
 Sử dụng ngay khi mở nắp.
 Nên duy trì đều đặn mỗi ngày.

Nhiệt độ bảo quản: 5 °C – 10 °C
 Sử dụng trước thời hạn in trên bao bì.

10
chai

SỮA UỐNG LÊN MEN

Thể tích thực: 650 ml (10 chai x 65 ml)

Thực phẩm bổ sung / PROBIOTIC

Ít Đường
Light

Yakult®



Hỗ trợ tăng cường
sức đề kháng



Hỗ trợ giảm nguy cơ
tạo bọt và tiêu chảy

light

Yakult®

10
chai

Mỗi ngày khỏe mạnh

Mỗi ngày Yakult

PHẦN I WAO
Phó Tổng Giám Đốc

Giám Đốc - Khối Sản Xuất và Nhà Máy



An ở đây
ở mở

Hệ thống phân phối độc quyền của Yakult Việt Nam
Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN VSIP, Bình Hòa
TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam

Đối tượng sử dụng:
Dùng cho người lớn và trẻ em từ 6 tuổi trở lên

Hướng dẫn sử dụng:
Uống trước khi uống

Sử dụng ngay khi mở nắp

Nên quy định dùng mỗi ngày

Nhiệt độ bảo quản: 5°C - 10°C

Sự bảo quản thời hạn in trên bao bì

Thành phần dinh dưỡng trong 100ml

Năng lượng	61,0 kcal
Chất đạm	1,2 g
Chất béo	≤ 0,6 g
Carbohydrate	14,1 g
Đường tổng số	9,5 g
Natri	21,0 mg



Ban quản trị công ty
YAKULT HONSHA Nhật Bản
Sanxulal Công ty
TNHH Yakult Việt Nam

Số 5 Đại lộ Tự Do, KCN VSIP, Bình Hòa
TP. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam

NHÀ MÁY ĐẠT TIÊU CHUẨN
HACCP VÀ ISO 22000

Điện thoại tư vấn khách hàng:
028 628 14235

Email: customerservice@yakult.vn

Website: www.yakult.vn

Xuất xứ: Việt Nam



THỰC PHẨM BỔ SUNG

Yakult

light

KENJI IWAOKA

Phó Tổng Giám Đốc

Giám Đốc Khách Sạn Khách Sạn **SỮA UỐNG LÊN MEN**



lit Đường

light

Thành phần: nước, chất tạo ngọt xi-rô maltitol (tổng hợp, đường (5 g/chai), sữa bột gầy (2,2 g/chai), dextrose, hương sữa chua tự nhiên và giồng tự nhiên, chất tạo ngọt tổng hợp (955), hơn 6,5 tỷ khuẩn probiotic *Lactocaseibacillus paracasei* Shirota.

Nhiệt độ bảo quản: 5°C - 10°C

HDSĐ: Lắc đều trước khi uống.

Sử dụng trước thời hạn in trên bao bì.

Bản quyền của công ty
YAKULT HONSHA Nhật Bản

Sản xuất tại:

Công ty TNHH Yakult Việt Nam

Số 6 Đại lộ Tự Do, KCN VSIP,

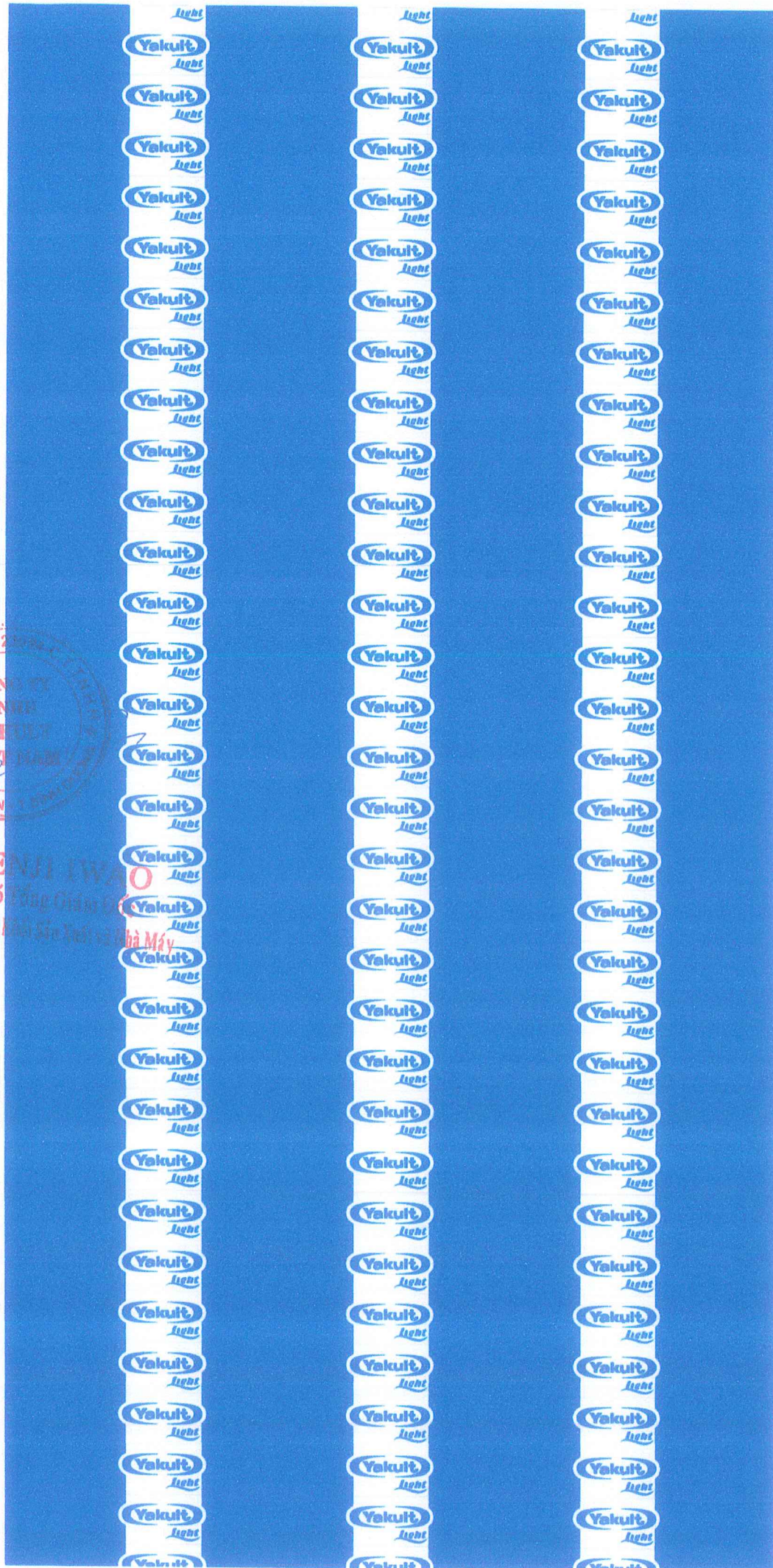
P. Bình Hòa, TP. Thuận An,

T. Bình Dương, Việt Nam.

Thể tích thực: 65ml



KENJI IWANO
Phó Tổng Giám đốc
Giám Đốc - Kinh Sản Xuất và Nhà Máy



KT3-07351BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

28/12/2023
Page 01/09

1. Tên mẫu
Name of sample : SỮA UỐNG LÊN MEN YAKULT ÍT ĐƯỜNG
NSX: 14.12.23
HSD: 23.01.24
(YAKULT LIGHT FERMENTED MILK)
MFD: 14.12.23
EXP: 23.01.24
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên chai.
As received sample is whole bottle.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 19/12/2023
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 20/12/2023 - 28/12/2023
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa,
Tp. Thuận An, T. Bình Dương, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page 02-09/09*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB.

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.

Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mô phỏng được trình bày theo độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.mv@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.mv@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-07351BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/12/2023
Page 02/09

7. Kết quả thử nghiệm / Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan / Sensory test • Trạng thái / State • Màu sắc / Color • Mùi vị / Odor & taste	QTTN/KT3 234 : 2019		-	Dạng lỏng, đồng nhất Liquid, homogeneous Màu vàng nhạt Yellowish Đặc trưng của sản phẩm Characteristic
7.2. Hàm lượng axit qui ra axit lactic, g/100 mL Acid content as lactic acid	TCVN 6509:2013		-	0,63
7.3. Năng lượng ^(*) / Calories • kcal/100 mL • kJ/100 mL	QTTN/KT3 024:2018		-	62 259
7.4. Hàm lượng béo, g/100 mL Fat content	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng carbohydrate, g/100 mL Carbohydrate content	QTTN/KT3 317:2022		-	14,1
7.6. Hàm lượng protein, g/100 mL Protein content	TCVN 8099-1:2015 Kjeldahl method		-	1,33
7.7. Hàm lượng chất khô, g/100 mL The solid content	QTTN/KT3 136 : 2016		-	15,8
7.8. Hàm lượng arsen tổng số, mg/L Total arsenic content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng chì, mg/L Lead content	QTTN/KT3 196:2018 (Ref: AOAC (2013.06))	6,00x10 ⁻³		Không phát hiện Not detected
7.10. Hàm lượng cadimi, mg/L Cadmium content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng thủy ngân, mg/L Mercury content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng antimon, mg/L Antimony content	QTTN/KT3 197 : 2018 (Ref: AOAC (2015.06))	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted samples only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.mt@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.mt@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO IEC 17025:2017 (Vi-las 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vi-las 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07351BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TRUNG TÂM
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 3
28/12/2023
Page 03/09

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement (≥)</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.13. Hàm lượng aflatoxin M1, <i>Aflatoxin M1 content</i>	µg/L QTTN/KT3 242:2019	0,02		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.14. Hàm lượng melamin, <i>Melamine content</i>	mg/L TCVN 9048 : 2012	0,10		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.15. Hàm lượng tetracycline, <i>Tetracycline content</i>	µg/L QTTN/KT3 288 : 2021	10		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.16. Hàm lượng chlortetracycline, <i>Chlortetracycline content</i>	µg/L QTTN/KT3 288 : 2021	10		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.17. Hàm lượng oxytetracycline, <i>Oxytetracycline content</i>	µg/L QTTN/KT3 288 : 2021	10		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.18. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật triazole, <i>Triazole pesticide content</i>	mg/L EN 15662 : 2018			
• Difenoconazole		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fenbuconazole		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Hexaconazole		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Penconazole		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Propiconazole		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Tebuconazole		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Tricyclazole		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.esa@quatest3.com.vn và rg.mia@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.esa@quatest3.com.vn and rg.mia@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vi 25 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vi 25 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-07351BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

TRUNG TÂM
KỸ THUẬT
TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG
CHẤT LƯỢNG 3
28/12/2023
Page 04/09

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement (≥)</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.19. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật Clo hữu cơ, mg/L <i>Organochlorine pesticide content</i>	EN 15662 : 2018 (GC/MSMS)			
• 4,4'-DDD		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• 4,4'-DDE		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• DDT (tổng của p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE và p,p'-TDE (DDD))		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Aldrin		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Alpha Chlordane		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Gama Chlodane		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Alpha- HCH		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Alpha-Endosulfan		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Beta-Endosulfan		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Beta-HCH		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Delta-HCH		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Dieldrin		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Endosulfan-sulfate		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Endrin		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Endrin keton		0,005		Không phát hiện <i>Not detected</i>

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.m@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.m@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Viلاس 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Viلاس 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-07351BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

28/12/2023

Page 05/09

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement ($\geq$)	Kết quả thử nghiệm Test result
- Endrin-aldehyde - Heptachlor - Heptachlor epoxide - Hexachlorobenzene - Lindane (Gamma-HCH) - Methoxychlor		0,005 0,005 0,005 0,005 0,005 0,005		Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected
7.20. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật cúc, mg/L Pyrethroid pesticide content	EN 15662 : 2018 (GC/MSMS)			
- Bifenthrin - Cyfluthrin - Permethrin - Cypermethrin - Fenvalerate - Deltamethrin - Lamda - cyhalothrin		0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01		Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rg.n@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rg.n@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07351BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

28/12/2023

Page 06/09

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.21. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật carbamate, mg/L Carbamate pesticide content	EN 15662 : 2018 (LC/MSMS)			
• Aldicarb		0,01		Không phát hiện Not detected
• Aldicarb sulfone		0,01		Không phát hiện Not detected
• Aldicarb sulfoxide		0,01		Không phát hiện Not detected
• Carbaryl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Carbendazim		0,01		Không phát hiện Not detected
• Carbofuran		0,01		Không phát hiện Not detected
• Fenobucarb		0,01		Không phát hiện Not detected
• Imidacloprid		0,01		Không phát hiện Not detected
• Isoprocarb		0,01		Không phát hiện Not detected
• Methiocarb		0,01		Không phát hiện Not detected
• Methomyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Oxamyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Propoxur		0,01		Không phát hiện Not detected
• Thiabendazole		0,01		Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và qa.mia@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and qa.mia@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 7, C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-07351BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

28/12/2023
Page 07/09

7. Kết quả thử nghiệm
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.22. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật lân hữu cơ, mg/L Organophosphorous pesticide content	EN 15662 : 2018 (GC/MSMS)			
• Azinphos-methyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Chlorpyrifos-ethyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Chlorpyrifos-methyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Diazinon		0,01		Không phát hiện Not detected
• Ethion		0,01		Không phát hiện Not detected
• Fenitrothion		0,01		Không phát hiện Not detected
• Fenthion		0,01		Không phát hiện Not detected
• Malathion		0,01		Không phát hiện Not detected
• Parathion-ethyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Parathion-methyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Phenthoate		0,01		Không phát hiện Not detected
• Phorate		0,01		Không phát hiện Not detected
• Phosalone		0,01		Không phát hiện Not detected
• Pirimiphos-ethyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Pirimiphos-methyl		0,01		Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mô tổng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và tr.v@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and tr.v@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BQA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07351BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

28/12/2023

Page 08/09

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.23. Hàm lượng thuốc trừ cỏ, mg/L Herbicide content	QTTN/KT3 – 079 : 2018			
• 2,4-D		0,01		Không phát hiện Not detected
• 2,4,5-T		0,01		Không phát hiện Not detected
• 2,4-DB		0,01		Không phát hiện Not detected
• 2,4-DP		0,01		Không phát hiện Not detected
• MCPA		0,01		Không phát hiện Not detected
• MCPP (Mecoprop)		0,01		Không phát hiện Not detected
• 2,4,5-TP (Fenoprop)		0,01		Không phát hiện Not detected
• Fipronil		0,01		Không phát hiện Not detected
• 2-phenyl phenol		0,05		Không phát hiện Not detected
7.24. Hàm lượng patulin, µg/L Patulin content	QUATEST3 1196:2023 (Ref: TCVN 8161:2009 (EN 14177:2003))	3,0		Không phát hiện Not detected
7.25. Hàm lượng fumonisin (FB1+FB2), µg/L Fumonisin (FB1+FB2) content	QTTN/KT3 161:2017		75	Không phát hiện Not detected
7.26. Hàm lượng đường tổng theo glucose, g/100 mL Total sugar content as glucose	QTTN/KT3 178 : 2017 (Ref: TCVN 4594 : 1988)		-	10,2

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và vi.m@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and vi.m@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-07351BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

28/12/2023
Page 09/09

7. Kết quả thử nghiệm /Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.27. Hàm lượng procainbenzylpenicillin, µg/L <i>Procainbenzylpenicillin content</i>	QTTN/KT3 288 : 2021	2		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.28. Hàm lượng dihydrostreptomycin, µg/L <i>Dihydrostreptomycin content</i>	QTTN/KT3 288 : 2021	30		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.29. Hàm lượng Gentamicin, µg/L <i>Gentamicin content</i>	QTTN/KT3 288 : 2021	30		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.30. Hàm lượng Spiramycin, µg/L <i>Spiramycin content</i>	QTTN/KT3 288 : 2021	50		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.31. <i>Listeria monocytogenes</i> , CFU/mL	ISO 11290-2 : 2017	-		Nhỏ hơn 1 ^(**) <i>Less than</i>
7.32. Coliform, CFU/mL	ISO 4832 : 2006			Nhỏ hơn 1 ^(**) <i>Less than</i>
7.33. <i>E.Coli</i> , CFU/mL	ISO 16649-2 : 2001			Nhỏ hơn 1 ^(**) <i>Less than</i>
7.34. <i>Staphylococcus aureus</i> , CFU/mL	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn 1 ^(**) <i>Less than</i>
7.35. <i>Salmonella</i> spp /25 mL	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.36. Nhóm <i>Bacillus cereus</i> , MPN/mL <i>Bacillus cereus group</i>	AOAC 2023 (980.31)	-		Nhỏ hơn 3 ^(***) <i>Less than</i>
7.37. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/mL <i>Total yeasts & moulds</i>	ISO 21527-1:2008	-		Nhỏ hơn 1 ^(**) <i>Less than</i>

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 6,38 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

(**): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa.

According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.

(***): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 3 MPN/mL khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp.

According to the test method, the result is expressed as less than 3 MPN/mL when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dl.cs@quatest3.com.vn và qa.mta@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dl.cs@quatest3.com.vn and qa.mta@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-07353BTP3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/12/2023
Page 01/01

1. Tên mẫu : SỮA UỐNG LÊN MEN YAKULT ÍT ĐƯỜNG
Name of sample (YAKULT LIGHT FERMENTED MILK)
NSX: 14.12.23
HSD: 23.01.24
MFD: 14.12.23
EXP: 23.01.24
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu
Sample description do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên chai.
As received sample is intact bottle.
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 19/12/2023
Date of receiving
5. Thời gian thử nghiệm : 20/12/2023 - 25/12/2023
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Customer Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, Bình Dương, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng natri, Sodium content	mg/100 mL QTTN/KT3 197:2018 (Ref: AOAC 2015.06)	20,8

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB

Ngày.....22-01-2024.....

Nguyễn Thành Công

Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the sample submitted only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95% độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95% confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.csa@quatest3.com.vn và ng.ina@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.csa@quatest3.com.vn and ng.ina@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Test Report No.VNT/F23/1217862P2

Dated 22/12/2023

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F23/1217862P2

Ngày 22/12/2023



Vietnam

Note: This report is issued subject to the Testing and Certification Regulations of the TÜV SÜD Group and the General Terms and Conditions of Business of TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. In addition, this report is governed by the terms set out within this report.

Lưu ý: Báo cáo này được phát hành tuân theo Quy định về Chứng nhận và Thử nghiệm của Tập đoàn TÜV SÜD cũng như Điều khoản và Điều kiện Kinh doanh Chung của Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam. Ngoài ra, báo cáo này chịu sự điều chỉnh của các điều khoản được nêu trong báo cáo.

Add value.
Inspire trust.

Applicant

Tên khách hàng

: YAKULT VIET NAM CO., LTD
CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM

No. 05 Tu Do Boulevard, Việt Nam-Singapore Industrial Park,
Binh Hoa Ward, Thuan An City, Binh Duong Province, Viet Nam.
Số 5 Đại Lộ Tự Do, Khu Công Nghiệp Việt Nam-Singapore,
Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Attention

Người liên hệ

: Ms. Hien

Date of receiving

Ngày nhận mẫu

: 18/12/2023 (11:30)

Temperature of sample as received : 20°C

Nhiệt độ bề mặt của mẫu khi nhận

State of sample as received

Mô tả tình trạng mẫu khi nhận

: Sample intact in the plastic bottle
Mẫu nguyên vẹn trong chai nhựa

Test Period

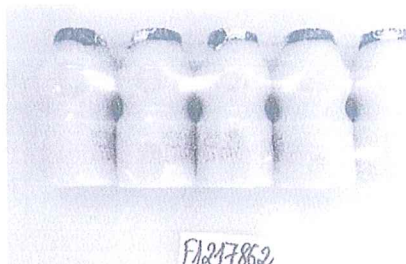
Thời gian thử nghiệm

: 18/12/2023 – 22/12/2023

Name of Sample

Tên mẫu

: Yakult Light fermented milk
Sữa uống lên men Yakult ít đường
NSX: 14.12.23
HSD: 23.01.24



Note: The submitted samples were not taken by laboratory/ Mẫu gửi không được lấy bởi Phòng thử nghiệm
The information was provided by client/ Thông tin được cung cấp bởi khách hàng
Sample storage period 1 week after issuing the test report/ Thời gian lưu mẫu 1 tuần sau khi phát hành báo cáo thử nghiệm
This testing result is only valid on the tested sample/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử



VILAS 487

The results reported herein have been performed in accordance with the terms of accreditation under the Vietnam Bureau of Accreditation. Tests marked "Not Accredited" in this Report are not included in the BoA Accreditation Schedule for our laboratory.

Các kết quả được báo cáo ở đây đã được thực hiện theo các điều khoản công nhận của Văn phòng Công nhận Việt Nam. Các chỉ tiêu được đánh dấu là "Chưa được Công nhận" trong Báo cáo này chưa có trong danh mục công nhận của BoA cho phòng thí nghiệm.

Laboratory:
TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.
Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group
III, Tân Bình LP, Tây Thanh Ward, Tân
Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam

Phone : +84-28-62678506
Fax : +84-28-62678511
E-Mail: info.vn@tuvsud.com
<https://www.tuvsud.com/vi-vn>

Regional Head Office:
TÜV SÜD Asia Pacific Pte. Ltd.
15 International Business Park
TÜV SÜD @ IBP
Singapore 609937
TUV®

Test Report No.VNT/F23/1217862P2

Dated 22/12/2023

Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F23/1217862P2

Ngày 22/12/2023



Vietnam

TEST RESULTS/ KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM:

No. STT	Specification Chi tiêu	Unit Đơn vị	Method Phương pháp	Result Kết quả	Detection Limit Giới hạn phát hiện
1.	Specific gravity (20/20°C) Tỷ trọng (20/20°C)	-	TCVN 8444:2010 (*)	1.0581	-

Checked By

Hoang Thi Hai Yen
Operation Manager

Authorized By

Tran Thanh Phong
General Director

Test Report No.VNT/F23/1217862P2
Dated 22/12/2023
Phiếu kết quả thử nghiệm số VNT/F23/1217862P2
Ngày 22/12/2023

Please note that this Report is issued under the following terms :

1. This report applies to the sample of the specific product/equipment given at the time of its testing. The results are not used to indicate or imply that they are applicable to other similar items. In addition, such results must not be used to indicate or imply that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. approves, recommends or endorses the manufacturer, supplier or user of such product/equipment, or that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. in any way "guarantees" the later performance of the product/equipment. Unless otherwise stated in this report, no tests were conducted to determine long term effects of using the specific product/equipment.
2. The sample/s mentioned in this report is/are submitted/supplied/manufactured by the Client. TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. therefore assumes no responsibility for the accuracy of information on the brand name, model number, origin of manufacture, consignment or any information supplied.
3. Nothing in this report shall be interpreted to mean that TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. has verified or ascertained any endorsement or marks from any other testing authority or bodies that may be found on that sample.
4. This report shall not be reproduced wholly or in parts and no reference shall be made by the Client to TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. or to the report or results furnished by TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. in any advertisements or sales promotion.
5. Unless otherwise stated, the tests were carried out in TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd., Lot III-26, 19/5A Street, Industry Group III, Tan Binh I.P, Tay Thanh Ward, Tan Phu District, Ho Chi Minh City, Vietnam.
6. The tests carried out by TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd. and this report is subject to TÜV SÜD Vietnam Co. Ltd.'s General Terms and Conditions of Business and the Testing and Certification Regulations of the TÜV SÜD Group.

Effective 01 December 2022

Xin lưu ý rằng Báo cáo này được phát hành theo các điều khoản sau:

1. Báo cáo này áp dụng cho mẫu sản phẩm/thiết bị cụ thể được cung cấp tại thời điểm thử nghiệm. Các kết quả không được sử dụng để biểu thị hoặc ngụ ý rằng chúng có thể áp dụng cho các mặt hàng tương tự khác. Ngoài ra, không được sử dụng các kết quả đó để chỉ ra hoặc ngụ ý rằng Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam phê duyệt, khuyến nghị hoặc xác nhận nhà sản xuất, nhà cung cấp hoặc người sử dụng sản phẩm/thiết bị đó hoặc Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam dưới bất kỳ hình thức nào "đảm bảo" hiệu suất sau này của sản phẩm/thiết bị. Trừ khi có quy định khác trong báo cáo này, không có thử nghiệm nào được tiến hành để xác định tác động lâu dài của việc sử dụng sản phẩm/thiết bị cụ thể.
2. (Các) mẫu được đề cập trong báo cáo này là/được gửi/cung cấp/sản xuất bởi Khách hàng. Do đó, Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam không chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về tên thương hiệu, số model, nguồn gốc sản xuất, lô hàng hoặc bất kỳ thông tin nào được cung cấp.
3. Không nội dung nào trong báo cáo này được hiểu là Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam đã xác minh hoặc xác nhận bất kỳ chứng thực hoặc dấu hiệu nào từ bất kỳ cơ quan hoặc tổ chức kiểm định nào khác có thể tìm thấy trên mẫu đó.
4. Báo cáo này sẽ không được sao chép toàn bộ hoặc từng phần và Khách hàng sẽ không tham chiếu đến Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam hoặc báo cáo hoặc kết quả do Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam cung cấp trong bất kỳ quảng cáo hoặc khuyến mại nào.
5. Trừ khi có quy định khác, các thử nghiệm được thực hiện tại Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam, Lô III-26, Đường 19/5A, Cụm Công nghiệp III, KCN Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
6. Các thử nghiệm do Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam thực hiện và báo cáo này tuân theo Điều khoản và Điều kiện Kinh doanh chung của Công ty TNHH TÜV SÜD Việt Nam cũng như quy định chung nhận và Thử nghiệm của Tập đoàn TÜV SÜD.

Ngày hiệu lực ngày 01 tháng 12 năm 2022.

-- END OF TEST REPORT / KẾT THÚC BÁO CÁO THỬ NGHIỆM --

Phan Hữu Đức



BỘ Y TẾ
VIỆN PASTEUR TP. HCM

VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM Y SINH HỌC LÂM SÀNG
& DỊCH VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT

167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.28) 38.202.835 (104) - 38.202.834 - Email: xntppasteur@gmail.com



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số: 181223-7573

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 5 ĐẠI LỘ TỰ DO KCN VIỆT NAM-SINGAPORE, THUẬN AN BÌNH DƯƠNG
Tên mẫu : SỮA UỐNG LÊN MEN YAKULT ÍT ĐƯỜNG NSX:23.11.23-HSD:02.01.24
Ngày nhận mẫu : 18/12/2023
Thời gian thử nghiệm : 18/12/2023 đến 22/12/2023
Tình trạng mẫu : 4 CHAI-KHÁCH HÀNG TỰ MANG ĐẾN

TT	YÊU CẦU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	PP THỬ NGHIỆM	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP
1	<i>Lactobacillus spp.</i>	350.000.000	Cfu/ml	TCVN 5522:1991	

KẾT LUẬN:

TP. Hồ Chí Minh ngày 5 tháng 1 năm 2024

PKN. VI SINH THỰC PHẨM

TL. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM XNYSHL



Chứng Thực Bản Sao
Đúng Với Bản Chính

Nguyễn Ngọc Anh Tuấn

Số Chứng Thực.....Quyển Số.....SCT/BS
Ngày.....Tháng.....Năm.....
22-01-2024



Phan Hữu Đức

- Dấu (*) là chỉ tiêu được VILAS công nhận; (**) là chỉ tiêu thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Kết quả này không phải là giấy chứng nhận sản phẩm, phải được sử dụng theo quy định, các bản trích sao phiếu kết quả này đều không có giá trị nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur TP. HCM.
- Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến PTN. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Phòng kiểm nghiệm chỉ lưu mẫu thực phẩm kiểm nghiệm lý hoá trong 3 ngày sau khi tra kết quả kiểm nghiệm.

KT3-00252BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/01/2025
Trang/ Page 01 / 05

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC DÙNG TRONG SẢN XUẤT
(WATER USED IN PRODUCTION)
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 11h10 - 13/01/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 02;
Unit/sample: 5 L x 02;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 13/01/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 13/01/2025 – 21/01/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, VN
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thanh Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vi-las 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là không được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vi-las 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00252BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/01/2025
Trang/ Page 02 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	15	KPH	5,0
7.2	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	KPH	0,5
7.3	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5	6,9	-
7.4	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	39,2	-
7.5	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	19,2	-
7.6	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	KPH	0,01
7.7	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) Ammonium nitrogen content	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	0,3	KPH	0,1
7.8	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.9	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.10	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 (hoặc 300)	6,6	-
7.11	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	KPH	0,03
7.12	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	KPH	0,01
7.13	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.14	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 HZ, Dong Nai, Vietnam ❷ C5 lot, K1 road, Cat Lai HZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam ❸ 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00252BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/01/2025

Trang / Page 03 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.15	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.16	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2	0,5	-
7.17	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,05	KPH	0,01
7.18	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	4,97	-
7.19	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	2,6	-
7.20	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0
7.21	Hàm lượng monocloramin Monochloramine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	3,0	KPH	0,02
7.22	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,2 - 1,0	KPH	0,02
7.23	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,05
7.24	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2
7.25	Mùi, vị Odor & taste	-	SMEWW 2150C:2023, QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)	Không có mùi vị lạ/ No strange odor taste	Không có mùi vị lạ/ No strange odor taste	-

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3



Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7, road No. 1, Bien Hoa 11Z, Dong Nai, Vietnam CS lot, K1 road, Cat Lai 1Z, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist. 5, HCMC, Vietnam

KT3-00252BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/01/2025

Trang / Page 04 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.26	Tổng số coliform Total coliform	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 3	< 1(***)	-
7.27	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.28	Hàm lượng 2,4,6- Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226: 2024 (Ref. US EPA Method 8321B)	200	KPH	20
7.29	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol Phenols content	µg/L	TCVN 6216:1996	1	KPH	0,3
7.30	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5
7.31	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA Method 8260D	700	KPH	0,5
7.32	Hàm lượng xylen Xylene content	µg/L	US EPA Method 8260D	500		-
	+ m+p-xylene	µg/L		-	KPH	1,0
	+ o-xylene	µg/L		-	KPH	0,5
7.33	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5
7.34	Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	0,5
7.35	Hàm lượng monoclorobenzen Monoclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5
7.36	Hàm lượng 1,2- diclorobenzen 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1000	KPH	0,5
7.37	Hàm lượng trichlorobenzen Trichlorobenzen content		US EPA Method 8260D	20		-
	+ 1,2,3- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ th.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses th.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA) Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-00252BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/01/2025

Trang / Page 05 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
	+ 1,2,4- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,3,5- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
7.38	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B (Ed. 24)	< 1	< 1 (***)	-
7.39	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1 (***)	-

Ghi chú/ Notice:

(**): Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "< 1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2018/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality

KPH: Không phát hiện/ Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là không được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.





Viện Pasteur
Thành phố Hồ Chí Minh

VIỆN PASTEUR THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM Y SINH HỌC LÂM SÀNG
& DỊCH VỤ KHOA HỌC KỸ THUẬT

167 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (84.28) 38.202.835 (104) - 08.28.251.252 - Email: xntppasteur@gmail.com



VILAS 209

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số: 200525-7791

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Địa chỉ : SỐ 5 ĐẠI LỘ TỰ DO, KCN VIỆT NAM-SINGAPORE, P BÌNH HÒA, TP THUẬN AN, BÌNH DƯƠNG
Tên mẫu : SỮA UỐNG LÊN MEN YAKULT NSX:19.05.25 HSD:28.06.25
Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Thời gian thử nghiệm : 20/05/2025 đến 24/05/2025
Tình trạng mẫu : 5 CHAI 65ML-KHÁCH HÀNG TỰ MANG ĐẾN

TT	YÊU CẦU THỬ NGHIỆM	KẾT QUẢ	ĐƠN VỊ	PP THỬ NGHIỆM	GIỚI HẠN TỐI ĐA CHO PHÉP
1	<i>Lactobacillus spp.</i>	530.000.000	Cfu/ml	TCVN 5522:1991	

KẾT LUẬN:

TP. Hồ Chí Minh ngày 26 tháng 5 năm 2025

PKN. VI SINH THỰC PHẨM

TL. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM XNYSHLS

ThS. Nguyễn Thị Nguyệt



Nguyễn Ngọc Anh Tuấn

- Dấu (*) là chỉ tiêu được VILAS công nhận; (**) là chỉ tiêu thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- Kết quả này không phải là giấy chứng nhận sản phẩm, phải được sử dụng theo quy định, các bản trích sao phiếu kết quả này đều không có giá trị nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Pasteur TP. HCM.
- Kết quả trên chỉ có giá trị đối với mẫu gửi đến PTN. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Phòng kiểm nghiệm chỉ lưu mẫu thực phẩm kiểm nghiệm lý hoá trong 3 ngày sau khi trả kết quả kiểm nghiệm.

KT3-03186BTP5/1-1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/05/2025
Page 01/01

- Tên mẫu
Name of sample : SỮA UÔNG LÊN MEN YAKULT
(YAKULT FERMENTED MILK DRINK)
NSX: 19.05.25
HSD: 28.06.25
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 20/05/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 21/05/2025 – 29/05/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương
- Kết quả thử nghiệm
Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Hàm lượng natri, Sodium content	mg/100 mL QTTN/KT3 197 : 2018 (Ref: AOAC (2015.06))	19,1

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03186BTP5/1-7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/05/2025
Page 01/02

- Tên mẫu
Name of sample : SỮA UÔNG LÊN MEN YAKULT
(YAKULT FERMENTED MILK DRINK)
NSX: 19.05.25
HSD: 28.06.25
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 20/05/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 21/05/2025 – 29/05/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa, TP. Thuận An, T. Bình Dương
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang/ See page 02/02

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

KT3-03186BTP5/1-7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/05/2025
Page 02/02

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng ^(*) / Calories • kcal/100 mL • kJ/100 mL	QTTN/KT3 024:2018		-	80 335
7.2. Hàm lượng béo, g/100 mL Fat content	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện Not detected
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 mL Carbohydrate excluding fibre content	QTTN/KT3 317:2022		-	18,6
7.4. Hàm lượng protein, g/100 mL Protein content	TCVN 8099-1:2015 Kjeldahl method		-	1,28
7.5. Hàm lượng chất khô, g/100 mL The solid content	QTTN/KT3 136 : 2016		-	20,2

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 6,38 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03186BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/05/2025
Page 01/09

- Tên mẫu**
Name of sample : **SỮA UÔNG LÊN MEN YAKULT**
(YAKULT FERMENTED MILK DRINK)
NSX: 19.05.25
HSD: 28.06.25
- Mô tả mẫu**
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu**
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu**
Date of receiving : 20/05/2025
- Thời gian thử nghiệm**
Testing duration : 21/05/2025 – 29/05/2025
- Nơi gửi mẫu**
Customer : **CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM**
Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa,
TP. Thuận An, T. Bình Dương
- Kết quả thử nghiệm**
Test results : Xem trang/ *See page 02 - 09/09*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM /
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-03186BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/05/2025
Page 02/09

7. Kết quả thử nghiệm : Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan ^(*) / Sensory test	QTTN/KT3 234 : 2019		-	Dạng lỏng Liquid Màu vàng nhạt Light yellow Đặc trưng của sản phẩm Characteristic
• Trạng thái / State				
• Màu sắc / Color				
• Mùi vị / Odor & taste				
7.2. Hàm lượng axit qui ra axit lactic, g/100 mL Acid content as lactic acid	TCVN 6509:2013		-	0,62
7.3. Hàm lượng chì, mg/L Lead content	QTTN/KT3 196:2018 (Ref: AOAC (2013.06))	6,00x10 ⁻³		Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng antimon, mg/L Antimony content	QTTN/KT3 197 : 2018 (Ref: AOAC (2015.06))	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng asen tổng số, mg/L Total arsenic content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng cadimi, mg/L Cadmium content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng thủy ngân, mg/L Mercury content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng aflatoxin M1, µg/L Aflatoxin M1 content	QTTN/KT3 242:2019	0,02		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng melamin, mg/L Melamine content	TCVN 9048 : 2012	0,10		Không phát hiện Not detected

ĐA HỌ
TRUI
KỸ
TIÊU
ĐO L
HẤT I
ĐO LU

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03186BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/05/2025
Page 03/09

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.10. Hàm lượng/ content, µg/L	QTTN/KT3 288 : 2021			
• Tetracycline		10		Không phát hiện Not detected
• Chlortetracycline		10		Không phát hiện Not detected
• Oxytetracycline		10		Không phát hiện Not detected
• Procaine benzylpenicillin		2		Không phát hiện Not detected
• Dihydrostreptomycin		30		Không phát hiện Not detected
• Gentamicin (Gentamicin C1, Gentamicin C1a, Gentamicin C2C2a)		30		Không phát hiện Not detected
• Spiramycin		50		Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng đường tổng số ⁽¹⁾ , g/100 mL Total sugars content	QUATEST3 1222:2024		-	17,3
7.12. Coliform, CFU/mL	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 1 ⁽²⁾ Less than
7.13. E.Coli, CFU/mL	ISO16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn 1 ⁽²⁾ Less than
7.14 Listeria monocytogenes, CFU/mL	ISO 11290 – 2 : 2017	-		Nhỏ hơn 1 ⁽²⁾ Less than
7.15. Staphylococcus aureus, CFU/mL	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn 1 ⁽²⁾ Less than
7.16. Salmonella spp/ 25 mL	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03186BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/05/2025
Page 04/09

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.17. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/mL Total yeasts & moulds	ISO 21527-1:2008	-		Nhỏ hơn 1 ⁽²⁾ Less than
7.18. Nhóm <i>Bacillus cereus</i> , MPN/mL <i>Bacillus cereus</i> groups	AOAC 2023 (980.31)	-		Nhỏ hơn 0,3 ⁽³⁾ Less than
7.19. Hàm lượng patulin ^(*) , µg/L Patulin content	QUATEST3 1196:2023 (Ref: TCVN 8161:2009 (EN 14177:2003))	3,0		Không phát hiện Not detected
7.20. Hàm lượng fumonisin (FB1+FB2), µg/L Fumonisin (FB1+FB2) content	QTTN/KT3 161:2017	25		Không phát hiện Not detected
7.21. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ, mg/L Organochlorine pesticide content	EN 15662 : 2018 (GC/MSMS)			
• 4,4'-DDD		0,005		Không phát hiện Not detected
• 4,4'-DDE		0,005		Không phát hiện Not detected
• DDT (tổng của p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE và p,p'-TDE (DDD))		0,005		Không phát hiện Not detected
• Aldrin		0,005		Không phát hiện Not detected
• Alpha Chlordane		0,005		Không phát hiện Not detected
• Gama Chlodane		0,005		Không phát hiện Not detected
• Alpha- HCH		0,005		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03186BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/05/2025
Page 05/09

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
• Alpha-Endosulfan		0,005		Không phát hiện Not detected
• Beta-Endosulfan		0,005		Không phát hiện Not detected
• Beta-HCH		0,005		Không phát hiện Not detected
• Delta-HCH		0,005		Không phát hiện Not detected
• Dieldrin		0,005		Không phát hiện Not detected
• Endosulfan-sulfate		0,005		Không phát hiện Not detected
• Endrin		0,005		Không phát hiện Not detected
• Endrin keton		0,005		Không phát hiện Not detected
• Endrin-aldehyde		0,005		Không phát hiện Not detected
• Heptachlor		0,005		Không phát hiện Not detected
• Heptachlor epoxide		0,005		Không phát hiện Not detected
• Hexachlorobenzene		0,005		Không phát hiện Not detected
• Lindane (Gamma-HCH)		0,005		Không phát hiện Not detected
• Methoxychlor		0,005		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03186BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/05/2025
Page 06/09

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.22. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật cúc tổng hợp, mg/L Pyrethroid pesticide content	EN 15662 : 2018 (GC/MSMS)			
• Bifenthrin		0,01		Không phát hiện Not detected
• Cyfluthrin		0,01		Không phát hiện Not detected
• Permethrin		0,01		Không phát hiện Not detected
• Cypermethrin		0,01		Không phát hiện Not detected
• Fenvalerate		0,01		Không phát hiện Not detected
• Deltamethrin		0,01		Không phát hiện Not detected
• Lamda - cyhalothrin		0,01		Không phát hiện Not detected
7.23. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật carbamate, mg/L Carbamate pesticide content	EN 15662 : 2018 (LC/MSMS)			
• Aldicarb		0,01		Không phát hiện Not detected
• Aldicarb sulfone		0,01		Không phát hiện Not detected
• Aldicarb sulfoxide		0,01		Không phát hiện Not detected
• Carbaryl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Carbendazim		0,01		Không phát hiện Not detected
• Carbofuran		0,01		Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

TR
K
TIẾ
ĐI
CHẤ
TUẦN 06

KT3-03186BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/05/2025
Page 07/09

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
- Fenobucarb - Imidacloprid - Isoprocab - Methiocarb - Methomyl - Oxamyl - Propoxur - Thiabendazole		0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01		Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected
7.24. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật lân hữu cơ, mg/L Organophosphorous pesticide content	EN 15662 : 2018 (GC/MSMS)			
- Azinphos-methyl - Chlorpyrifos-ethyl - Chlorpyrifos-methyl - Diazinon - Ethion - Fenitrothion		0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01		Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected

QUỐC VÀ
UNG T
Y THU
U CHI
LƯỚI
LƯQ

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03186BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

29/05/2025
Page 08/09

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
- Fenthion - Malathion - Parathion-ethyl - Parathion-methyl - Phenthoate - Phorate - Phosalone - Pirimiphos-ethyl - Pirimiphos-methyl		0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01		Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected
7.25. Hàm lượng thuốc trừ cỏ, mg/L Herbicide content	EN 15662 : 2018			
2,4-D 2,4,5-T 2,4-DB 2,4-DP - MCPA - MCPP (Mecoprop)		0,01 0,01 0,01 0,01 0,01 0,01		Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected Không phát hiện Not detected

CÔNG
ÂM
AT
IÂN
IG 3
HẬT LƯ

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-03186BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/05/2025
Page 09/09

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
2,4,5-TP (Fenoprop) - Fipronil 2-phenyl phenol	EN 15662 : 2018	0,01		Không phát hiện Not detected
		0,001		Không phát hiện Not detected
		0,05		Không phát hiện Not detected
7.26. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật triazole, mg/L Triazole pesticide content				
- Difenoconazole - Fenbuconazole - Hexaconazole - Penconazole - Propiconazole - Tebuconazole - Tricyclazole		0,01		Không phát hiện Not detected
		0,01		Không phát hiện Not detected
		0,01		Không phát hiện Not detected
		0,01		Không phát hiện Not detected
		0,01		Không phát hiện Not detected
		0,01		Không phát hiện Not detected

- Ghi chú/ Note:** (1): Hàm lượng đường tổng số / Total sugar content (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose + xylose + galactose).
(2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa./ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.
(3): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 0,3 MPN/mL khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp/ According to the test method, the result is expressed as less than 0,3 MPN/mL when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02178BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/04/2025

Page 01/10

1. Tên mẫu
Name of sample : SỮA UÔNG LÊN MEN YAKULT ÍT ĐƯỜNG
(YAKULT LIGHT FERMENTED MILK DRINK)
NSX: 12.04.25
HSD: 22.05.25
2. Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
3. Số lượng mẫu
Quantity : 01
4. Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 14/04/2025
5. Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 14/04/2025 – 24/04/2025
6. Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa,
Tp. Thuận An, Bình Dương, VN
7. Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang/ See page 02-10/10

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB

Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-02178BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

25/04/2025
Page 02/10

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan ^(*) / Sensory test • Trạng thái / State • Màu sắc / Color • Mùi vị / Odor & taste	QTTN/KT3 234 : 2019		-	Dạng lỏng Liquid Màu vàng nhạt Light yellow Đặc trưng của sản phẩm Characteristic
7.2. Hàm lượng axit qui ra axit lactic, g/100 mL Acid content as lactic acid	TCVN 6509:2013		-	0,57
7.3. Hàm lượng chì, mg/L Lead content	QTTN/KT3 196:2018 (Ref: AOAC (2013.06))	6,00x10 ⁻³		Không phát hiện Not detected
7.4. Hàm lượng antimon, mg/L Antimony content	QTTN/KT3 197 : 2018 (Ref: AOAC (2015.06))	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.5. Hàm lượng asen tổng số, mg/L Total arsenic content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.6. Hàm lượng cadimi, mg/L Cadmium content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.7. Hàm lượng thủy ngân, mg/L Mercury content	AOAC 2019 (2013.06)	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng aflatoxin M1, µg/L Aflatoxin M1 content	QTTN/KT3 242:2019	0,02		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng melamin, mg/L Melamine content	TCVN 9048 : 2012	0,10		Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02178BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

25/04/2025
Page 03/10

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.10. Hàm lượng/ content, µg/L	QTTN/KT3 288 : 2021			
• Tetracycline		10		Không phát hiện Not detected
• Chlortetracycline		10		Không phát hiện Not detected
• Oxytetracycline		10		Không phát hiện Not detected
• Procaine benzylpenicillin		2		Không phát hiện Not detected
• Dihydrostreptomycin		30		Không phát hiện Not detected
• Gentamicin (Gentamicin C1, Gentamicin C1a, Gentamicin C2C2a)		30		Không phát hiện Not detected
• Spiramycin		50		Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng chất khô, g/100 mL The solid content	QTTN/KT3 136 : 2016		-	15,7
7.12. Hàm lượng béo, g/100 mL Fat content	QTTN/KT3 139 : 2016 (Có thủy phân)		0,1	Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng protein, g/100 mL Protein content	TCVN 8099-1:2015 Kjeldahl method		-	1,34
7.14. Hàm lượng đường tổng số ⁽¹⁾ , g/100 mL Total sugars content	QUATEST3 1222:2024		-	7,65
7.15. Hàm lượng patulin, µg/L Patulin content	QUATEST3 1196:2023 (Ref: TCVN 8161:2009 (EN 14177:2003))	3,0		Không phát hiện Not detected
7.16. Hàm lượng fumonisin (FB1+FB2), µg/L Fumonisin (FB1+FB2) content	QTTN/KT3 161:2017	25		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02178BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

25/04/2025

Page 04/10

7. Kết quả thử nghiệm : Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.17. Coliform, CFU/mL	ISO 4832 : 2006	-		Nhỏ hơn 1 ⁽²⁾ Less than
7.18. E.Coli, CFU/mL	ISO16649 – 2 : 2001	-		Nhỏ hơn 1 ⁽²⁾ Less than
7.19 Listeria monocytogenes, CFU/mL	ISO 11290 – 2 : 2017	-		Nhỏ hơn 1 ⁽²⁾ Less than
7.20. Staphylococcus aureus, CFU/mL	AOAC 2023 (975.55)	-		Nhỏ hơn 1 ⁽²⁾ Less than
7.21. Salmonella spp/ 25 mL	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	-		Không phát hiện Not detected
7.22. Tổng số nấm men & nấm mốc, CFU/mL Total yeasts & moulds	ISO 21527-1:2008	-		Nhỏ hơn 1 ⁽²⁾ Less than
7.23. Nhóm Bacillus cereus, MPN/mL Bacillus cereus groups	AOAC 2023 (980.31)	-		Nhỏ hơn 0,3 ⁽³⁾ Less than
7.24. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật clo hữu cơ, mg/L Organochlorine pesticide content	EN 15662 : 2018 (GC/MSMS)			
• 4,4'-DDD		0,005		Không phát hiện Not detected
• 4,4'-DDE		0,005		Không phát hiện Not detected
• DDT (tổng của p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE và p,p'-TDE (DDD))		0,005		Không phát hiện Not detected
• Aldrin		0,005		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02178BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

25/04/2025

Page 05/10

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement ($\geq$)	Kết quả thử nghiệm Test result
• Alpha Chlordane		0,005		Không phát hiện Not detected
• Gama Chlodane		0,005		Không phát hiện Not detected
• Alpha- HCH		0,005		Không phát hiện Not detected
• Alpha-Endosulfan		0,005		Không phát hiện Not detected
• Beta-Endosulfan		0,005		Không phát hiện Not detected
• Beta-HCH		0,005		Không phát hiện Not detected
• Delta-HCH		0,005		Không phát hiện Not detected
• Dieldrin		0,005		Không phát hiện Not detected
• Endosulfan-sulfate		0,005		Không phát hiện Not detected
• Endrin		0,005		Không phát hiện Not detected
• Endrin keton		0,005		Không phát hiện Not detected
• Endrin-aldehyde		0,005		Không phát hiện Not detected
• Heptachlor		0,005		Không phát hiện Not detected
• Heptachlor epoxide		0,005		Không phát hiện Not detected
• Hexachlorobenzene		0,005		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02178BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/04/2025

Page 06/10

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
Lindane (Gamma-HCH)	EN 15662 : 2018 (GC/MSMS)	0,005		Không phát hiện Not detected
Methoxychlor		0,005		Không phát hiện Not detected
7.25. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật cúc tổng hợp, mg/L Pyrethroid pesticide content				
Bifenthrin		0,01		Không phát hiện Not detected
Cyfluthrin		0,01		Không phát hiện Not detected
Permethrin		0,01		Không phát hiện Not detected
Cypermethrin		0,01		Không phát hiện Not detected
Fenvalerate		0,01		Không phát hiện Not detected
Deltamethrin		0,01		Không phát hiện Not detected
Lamda - cyhalothrin		0,01		Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02178BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

 25/04/2025
 Page 07/10

7. Kết quả thử nghiệm : Test results

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit of Detection</i>	Phạm vi đo <i>Range of measurement</i> (≥)	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>
7.26. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật carbamate, mg/L <i>Carbamate pesticide content</i>	EN 15662 : 2018 (LC/MSMS)			
• Aldicarb		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Aldicarb sulfone		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Aldicarb sulfoxide		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Carbaryl		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Carbendazim		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Carbofuran		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Fenobucarb		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Imidacloprid		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Isoprocarb		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Methiocarb		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Methomyl		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Oxamyl		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Propoxur		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>
• Thiabendazole		0,01		Không phát hiện <i>Not detected</i>

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-02178BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/04/2025
Page 08/10

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.27. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật lân hữu cơ, mg/L Organophosphorous pesticide content	EN 15662 : 2018 (GC/MSMS)			
• Azinphos-methyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Chlorpyrifos-ethyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Chlorpyrifos-methyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Diazinon		0,01		Không phát hiện Not detected
• Ethion		0,01		Không phát hiện Not detected
• Fenitrothion		0,01		Không phát hiện Not detected
• Fenthion		0,01		Không phát hiện Not detected
• Malathion		0,01		Không phát hiện Not detected
• Parathion-ethyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Parathion-methyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Phenthoate		0,01		Không phát hiện Not detected
• Phorate		0,01		Không phát hiện Not detected
• Phosalone		0,01		Không phát hiện Not detected
• Pirimiphos-ethyl		0,01		Không phát hiện Not detected
• Pirimiphos-methyl		0,01		Không phát hiện Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02178BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

25/04/2025

Page 09/10

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.28. Hàm lượng thuốc trừ cỏ, mg/L Herbicide content	EN 15662 : 2018			
• 2,4-D		0,01		Không phát hiện Not detected
• 2,4,5-T		0,01		Không phát hiện Not detected
• 2,4-DB		0,01		Không phát hiện Not detected
• 2,4-DP		0,01		Không phát hiện Not detected
• MCPA		0,01		Không phát hiện Not detected
• MCPP (Mecoprop)		0,01		Không phát hiện Not detected
• 2,4,5-TP (Fenoprop)		0,01		Không phát hiện Not detected
• Fipronil		0,01		Không phát hiện Not detected
• 2-phenyl phenol		0,05		Không phát hiện Not detected
7.29. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật triazole, mg/L Triazole pesticide content	EN 15662 : 2018			
• Difenconazole		0,005		Không phát hiện Not detected
• Fenbuconazole		0,01		Không phát hiện Not detected
• Hexaconazole		0,01		Không phát hiện Not detected
• Penconazole		0,01		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-02178BTP5/1-4

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

25/04/2025

Page 10/10

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện/ Limit of Detection	Phạm vi đo/ Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
• Propiconazole		0,01		Không phát hiện Not detected
• Tebuconazole		0,01		Không phát hiện Not detected
• Tricyclazole		0,01		Không phát hiện Not detected

Ghi chú/ Notes: Hàm lượng protein/ Protein = 6,38 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

- (1): Hàm lượng đường tổng số / Total sugars content (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose + xylose + galactose)
- (2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 1 CFU/mL khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa/ According to the test method, the result is expressed as less than 1 CFU/mL when the dish contains no colony.
- (3): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 0,3 MPN/mL khi không có ống dương tính trong ba dãy ống pha loãng liên tiếp/ According to the test method, the result is expressed as less than 0,3 MPN/mL when there is no positive tube in the three consecutive dilutions.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the name(s) submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-01510BHD5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/05/2025
Page 01/04

1. Tên mẫu : CHAI CHỨA YAKULT
Name of sample (PS BOTTLE)
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Description (xem hình trang 04/04/ see picture on page 04/04)
3. Số lượng mẫu : 01
Quantity
4. Ngày nhận mẫu : 20/05/2025
Date of receipt
5. Thời gian thử nghiệm : 21/05/2025 - 27/05/2025
Testing duration
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Customer Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem các trang tiếp theo
Test results Refer to next pages

TL. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG
PP. HEAD OF CONSUMER PRODUCTS
TESTING LAB.

Tiêu Trọng Minh Luân

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB.



Phan Thanh Trung

KT3-01510BHD5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/05/2025
Page 02/04

Thông tin về tiếp xúc thực phẩm/ *Food contact information*

Loại thực phẩm/ *Food type*: thực phẩm có pH < 5, không chứa cồn và không chứa chất béo/
foods with pH < 5, non-fatty and non-alcoholic

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (+)</i>
7.1 Định tính vật liệu bằng phương pháp phổ hồng ngoại (mặt tiếp xúc với thực phẩm)/ <i>Qualitative analysis of material by infrared spectroscopy method (contact with foodstuff)</i> THỬ VẬT LIỆU/ MATERIAL TEST		ASTM E 1252 – 98 (2021)		Poly-styrene	
7.2 Hàm lượng chì/ <i>Lead content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cadmi/ <i>Cadmium content</i>	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.4 Tổng hàm lượng các chất bay hơi / <i>Volatile substances content : styrene + toluene + ethylbenzene + isopropylbenzene + n-propyl benzene</i>	mg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 5
7.5 Tổng hàm lượng các chất bay hơi / <i>Volatile substances content : styrene + toluene + ethylbenzene + isopropylbenzene + n-propyl benzene</i>	mg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	N/A	≤ 2 (++)
• Styrene				N/A	≤ 1 (++)
• Ethylbenzene				N/A	≤ 1 (++)
THỬ NGÂM THỜI NHIỄM/ ELUTION TEST					
7.6 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>Heavy metals in 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.7 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>KMnO₄ consumption in water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

27/05/2025
Page 03/04

Tên chỉ tiêu <i>Characteristic</i>	Đơn vị tính <i>Unit</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>	Giới hạn phát hiện <i>Limit detection</i>	Kết quả thử nghiệm <i>Test result</i>	Mức yêu cầu <i>Require- ment (+)</i>
7.8 Hàm lượng cặn khô / <i>Evaporation residue</i>		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ <i>In heptan after 60 min at 25 °C</i>	µg/mL		5,0	N/A	≤ 240
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	N/A	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In Water after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	N/A	≤ 30
• Trong acetic acid 4 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ <i>In 4 % acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C</i>	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

This testing reports recorded testing results of 07 per 07 test items as regulated in QCVN 12-1 : 2011/BYT. Sample that has all testing results indicated on section No 7 of testing reports are conformed to limits specified in QCVN 12-1 : 2011/BYT.

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-01510BHD5

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

27/05/2025
Page 04/04



TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 5 CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03714BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/07/2025
Trang/ Page 01 / 05

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC DÙNG TRONG SẢN XUẤT
(WATER USED IN PRODUCTION)
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 07h40 - 24/06/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 02;
Unit/sample: 5 L x 02;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 24/06/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 24/06/2025 – 02/07/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa,
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, VN
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 0 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam 0 C5 lot, K1 road, Cat Lai 1Z, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 0 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03714BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/07/2025
Trang/ Page 02 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	15	KPH	5,0
7.2	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	KPH	0,5
7.3	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5	6,8	-
7.4	Hàm lượng asen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.5	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,2 - 1,0	KPH	0,02
7.6	Mùi, vị Odor & taste	-	SMEWW 2150C:2023, QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)	Không có mùi, vị lạ/ No strange odor & taste	Không có mùi, vị lạ/ No strange odor & taste	-
7.7	Tổng số coliform Total coliform	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 3	< 1(***)	-
7.8	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	65,7	-
7.10	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	25,3	-
7.11	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,11	-
7.12	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) Ammonium nitrogen content	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	0,3	KPH	0,1

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



HỌC
TRU
KỸ
THU
Đ
CH
THU



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ② No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam ③ CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam ④ 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03714BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/07/2025
Trang/ Page 03 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.13	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.14	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 (hoặc 300)	8,2	-
7.15	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	KPH	0,03
7.16	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	0,02	-
7.17	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01
7.19	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2	0,7	-
7.21	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,05	KPH	0,01
7.22	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	4,65	-
7.23	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	3,2	-
7.24	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0
7.25	Hàm lượng 2,4,6- Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226: 2024 (Ref. US EPA Method 8321B)	200	KPH	20
7.26	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol Phenols content	µg/L	TCVN 6216:1996	1	KPH	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



VÀ C
IG T
THU
CH
LƯ
LI
LƯ



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 6 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 6 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03714BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/07/2025
Trang/ Page 04 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.27	Hàm lượng monocloramin Monochloramine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	3,0	KPH	0,02
7.28	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,02
7.29	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2
7.30	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5
7.31	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA Method 8260D	700	KPH	0,5
7.32	Hàm lượng xylen Xylene content	µg/L	US EPA Method 8260D	500		-
	+ m+p-xylene	µg/L		-	KPH	1,0
	+ o-xylene	µg/L		-	KPH	0,5
7.33	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5
7.34	Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	0,5
7.35	Hàm lượng monoclorobenzen Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5
7.36	Hàm lượng 1,2- diclorobenzen 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1000	KPH	0,5
7.37	Hàm lượng trichlorobenzen Trichlorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	-	-
	+ 1,2,3- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.es@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.es@quatest3.com.vn for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam 5 CS lot, K1 road, Cat Lai Z, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03714BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/07/2025
Trang/ Page 05 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
	+ 1,2,4- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,3,5- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
7.38	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B (Ed. 24)	< 1	< 1(***)	-
7.39	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1(***)	-

Ghi chú/ Notice:

(***) : Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2018/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality

KPH: Không phát hiện/ Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam 9 C5 lot, K1 road, Cat Lai Z, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03714BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/07/2025
Trang/ Page 01 / 05

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC DÙNG TRONG SẢN XUẤT
(WATER USED IN PRODUCTION)
Thời gian lấy mẫu/ Sampling date: 07h40 - 24/06/2025
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L x 02;
Unit/sample: 5 L x 02;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 24/06/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 24/06/2025 – 02/07/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, Phường Bình Hòa,
Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, VN
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ② No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam ③ C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam ④ 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03714BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/07/2025
Trang/ Page 02 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Độ màu Color	Pt.Co	TCVN 6185:2015	15	KPH	5,0
7.2	Độ đục Turbidity	NTU	SMEWW 2130B:2023	2	KPH	0,5
7.3	Độ pH (tại 25 °C) pH value (at 25 °C)	-	TCVN 6492:2011	6,0 - 8,5	6,8	-
7.4	Hàm lượng arsen (As) Arsenic content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,0005
7.5	Hàm lượng clo dư tự do (Cl ₂) Free chlorine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	0,2 - 1,0	KPH	0,02
7.6	Mùi, vị Odor & taste	-	SMEWW 2150C:2023, QUATEST3 1263:2024 (ref. SMEWW 2160B:2023)	Không có mùi, vị lạ/ No strange odor & taste	Không có mùi, vị lạ/ No strange odor & taste	-
7.7	Tổng số coliform Total coliform	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 3	< 1(***)	-
7.8	Escherichia coli	CFU/100 mL	ISO 9308-1:2014 / Amd.1:2016	< 1	< 1(***)	-
7.9	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) Total dissolved solids content	mg/L	SMEWW 2540C:2023	1000	65,7	-
7.10	Độ cứng tổng số (tính theo CaCO ₃) Total hardness as CaCO ₃	mg/L	SMEWW 2340C:2023	300	25,3	-
7.11	Hàm lượng nhôm (Al) Aluminium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,2	0,11	-
7.12	Hàm lượng amoni (NH ₄ ⁺ /NH ₃) (tính theo N) Ammonium nitrogen content	mg/L	US EPA Method 350.2 (So màu/ Colorimetric)	0,3	KPH	0,1

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



HỌC
TRU
KỸ
TIẾ
Đ
CH
HUYỀN



ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 6 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 6 CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03714BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/07/2025
Trang/ Page 03 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.13	Hàm lượng cadimi (Cd) Cadmium content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,003	KPH	0,0005
7.14	Hàm lượng clorua (Cl ⁻) Chloride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250 (hoặc 300)	8,2	-
7.15	Hàm lượng florua (F ⁻) Fluoride content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	1,5	KPH	0,03
7.16	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,3	0,02	-
7.17	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,01	KPH	0,003
7.18	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,1	KPH	0,01
7.19	Hàm lượng thủy ngân (Hg) Mercury content	mg/L	US EPA Method 200.8	0,001	KPH	0,0002
7.20	Hàm lượng nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N) Nitrate nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	2	0,7	-
7.21	Hàm lượng nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N) Nitrite nitrogen content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	0,05	KPH	0,01
7.22	Hàm lượng natri (Na) Sodium content	mg/L	SMEWW 3111B:2023	200	4,65	-
7.23	Hàm lượng sulfate (SO ₄ ²⁻) Sulfate content	mg/L	SMEWW 4110B:2023	250	3,2	-
7.24	Chỉ số permanganate Permanganate index	mg/L	TCVN 6186:1996	2	KPH	1,0
7.25	Hàm lượng 2,4,6- Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QUATEST3 1226: 2024 (Ref. US EPA Method 8321B)	200	KPH	20
7.26	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol Phenols content	µg/L	TCVN 6216:1996	1	KPH	0,3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam 5 C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03714BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/07/2025
Trang/ Page 04 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.27	Hàm lượng monocloramin Monochloramine content	mg/L	TCVN 6225- 2:2021	3,0	KPH	0,02
7.28	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	0,1	KPH	0,02
7.29	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	1,0	KPH	0,2
7.30	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	10	KPH	0,5
7.31	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA Method 8260D	700	KPH	0,5
7.32	Hàm lượng xylen Xylene content	µg/L	US EPA Method 8260D	500		-
	+ m+p-xylene	µg/L		-	KPH	1,0
	+ o-xylene	µg/L		-	KPH	0,5
7.33	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5
7.34	Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	KPH	0,5
7.35	Hàm lượng monoclorobenzen Monochlorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	300	KPH	0,5
7.36	Hàm lượng 1,2- diclorobenzen 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	1000	KPH	0,5
7.37	Hàm lượng trichlorobenzen Trichlorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	20	-	-
	+ 1,2,3- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 7 No.7, road No.1, Bien Hoa 1 Z, Dong Nai, Vietnam 5 C5 lot, K1 road, Cat Lai Z, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-03714BMT5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/07/2025
Trang/ Page 05 / 05

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Mức chất lượng Specified level QCVN 01- 1:2018/BYT	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
	+ 1,2,4- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
	+ 1,3,5- trichlorobenzene	µg/L		-	KPH	0,5
7.38	Staphylococcus aureus	CFU/100 mL	SMEWW 9213B (Ed. 24)	< 1	< 1(***)	-
7.39	Pseudomonas aeruginosa	CFU/100 mL	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)	< 1	< 1(***)	-

Ghi chú/ Notice:

(***) : Kết quả được biểu thị "< 1 CFU" được xem là "không phát hiện vi sinh vật mục tiêu" trên thể tích mẫu kiểm tra/ The result "<1 CFU" is considered "target organism not-detectable" in the volume of sample analysed

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

QCVN 01-1:2018/BYT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt/ National technical regulation on Domestic Water Quality

KPH: Không phát hiện/ Not detected

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-03186BTP5/1-8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

29/05/2025
Page 01/01

- Tên mẫu
Name of sample : SỮA UÔNG LÊN MEN YAKULT
(YAKULT FERMENTED MILK DRINK)
NSX: 19.05.25
HSD: 28.06.25
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp./ Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 20/05/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 21/05/2025 – 29/05/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY TNHH YAKULT VIỆT NAM
Số 5, Đại Lộ Tự Do, KCN Việt Nam - Singapore, P. Bình Hòa,
TP. Thuận An, T. Bình Dương
- Kết quả thử nghiệm
Test results :

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Tỷ trọng tương đối ở 20°C/20°C Relative density at 20°C/20°C	QTTN/KT3 191:2018	1,076

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB.



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0901145152

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 08 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 04 tháng 01 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHẬT LÂM VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT LAM VN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0965460165

Số Fax:

Thư điện tử: ctnhatlamvn@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 23.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi ba tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: ĐỖ VĂN NAM

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 08/12/1990

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 033090003807

Địa chỉ liên lạc: Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: ĐỖ VĂN NAM

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 08/12/1990

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 033090003807

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 501.....Quyển số: 01.....SCT/BS

Chức danh: Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: Thôn Trai Trang, Xã Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam



Người thực hiện chứng thực

TUQ. CHỦ TỊCH
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND

Trần Đức Vinh



Phạm Thị Phương



HỒ SƠ NĂNG LỰC

CÔNG TY TNHH

NHẬT LÂM VN



Thôn Trai Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

096 546 0165

ctnhatlamvn@gmail.com

www.gaosachnhatlamvn.com

GIỚI THIỆU

Kính gửi: Quý Doanh nghiệp, Quý Đối tác,

Trước tiên, Công Ty TNHH Nhật Lâm VN xin gửi lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe và thành công đến Quý Doanh nghiệp, Quý Đối tác. Chúng tôi rất trân trọng cơ hội được giới thiệu về năng lực và dịch vụ của công ty, với mong muốn xây dựng mối quan hệ hợp tác lâu dài và bền vững.

Được thành lập từ năm 2023, Nhật Lâm VN hoạt động chuyên sâu trong lĩnh vực thương mại và cung ứng gạo chất lượng cao cho các bếp ăn công nghiệp, cơ quan, doanh nghiệp và đơn vị nhà nước. Chúng tôi hiểu rằng trong bữa ăn tập thể, chất lượng nguyên liệu đầu vào đóng vai trò quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, năng suất làm việc và sự hài lòng của người sử dụng.

Với phương châm "Chất lượng – Uy tín – Ổn định", chúng tôi không ngừng cải tiến quy trình thu mua, kiểm soát chặt chẽ chất lượng từ khâu chọn lựa nguồn gạo, đóng gói đến vận chuyển, nhằm đảm bảo mỗi hạt gạo đến tay khách hàng đều đạt tiêu chuẩn cao nhất.

Sản phẩm của Nhật Lâm VN hiện được tin tưởng sử dụng tại nhiều đơn vị, trong đó có Công an tỉnh Sơn La, nơi chúng tôi cung cấp gạo ổn định cho các trại giam và các đơn vị trực thuộc. Đồng thời, chúng tôi cũng là đối tác uy tín của các công ty suất ăn công nghiệp hàng đầu như HASECA và ALOCOM, những đơn vị có yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng và tiến độ giao hàng.

Với hệ thống cung ứng linh hoạt, kho bãi đạt chuẩn, cùng đội ngũ nhân viên giàu kinh nghiệm và tận tâm, Công Ty TNHH Nhật Lâm VN cam kết mang đến cho Quý khách hàng nguồn gạo ổn định, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh và dịch vụ hậu mãi chu đáo. Chúng tôi luôn sẵn sàng đồng hành, chia sẻ và phát triển cùng Quý Đối tác trên con đường hợp tác bền vững.

Xin trân trọng cảm ơn!

LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

- Cung cấp và phân phối gạo cho bếp ăn công nghiệp, trường học, bệnh viện, nhà hàng, doanh trại.
- Cung ứng gạo ổn định, đảm bảo chất lượng cho các đơn vị nhà nước và tư nhân.
- Đóng gói, bảo quản và vận chuyển gạo theo tiêu chuẩn an toàn thực phẩm.
- Kinh doanh các sản phẩm nông sản: gạo tấm, nếp, bột gạo, cám.
- Liên kết tiêu thụ nông sản với các vùng nguyên liệu trong nước.

THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên công ty : **CÔNG TY TNHH NHẬT LÂM VN**
- Tên quốc tế : NHAT LAM VN COMPANY LIMITED
- Địa chỉ : Thôn Trai Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
- Điện thoại : 096 546 0165
- Email : ctnhatlamvn@gmail.com
- Website : www.gaosachnhatlamvn.com
- Ngày hoạt động : 15/08/2023
- Người đại diện : (Ông) ĐỖ VĂN NAM



GIẤY PHÉP KINH DOANH

* Họ và tên: ĐỖ VĂN NAM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033090003807

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Trại Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Trại Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

P. TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Thu Thủy

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HƯNG YÊN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANHCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúcCÁI CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0901145152

Đăng ký lần đầu: ngày 15 tháng 08 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 12 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NHẬT LAM VN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NHAT LAM VN COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Trại Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0965460165

Fax:

Email: ctnhatlamvn@gmail.com

Website:

Vốn đăng ký: 9.500.000.000 đồng.

Bản chất: Chủ sở hữu: Chủ sở hữu: Chủ sở hữu

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: ĐỖ VĂN NAM

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/12/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033090003807

Ngày cấp: 29/04/2021

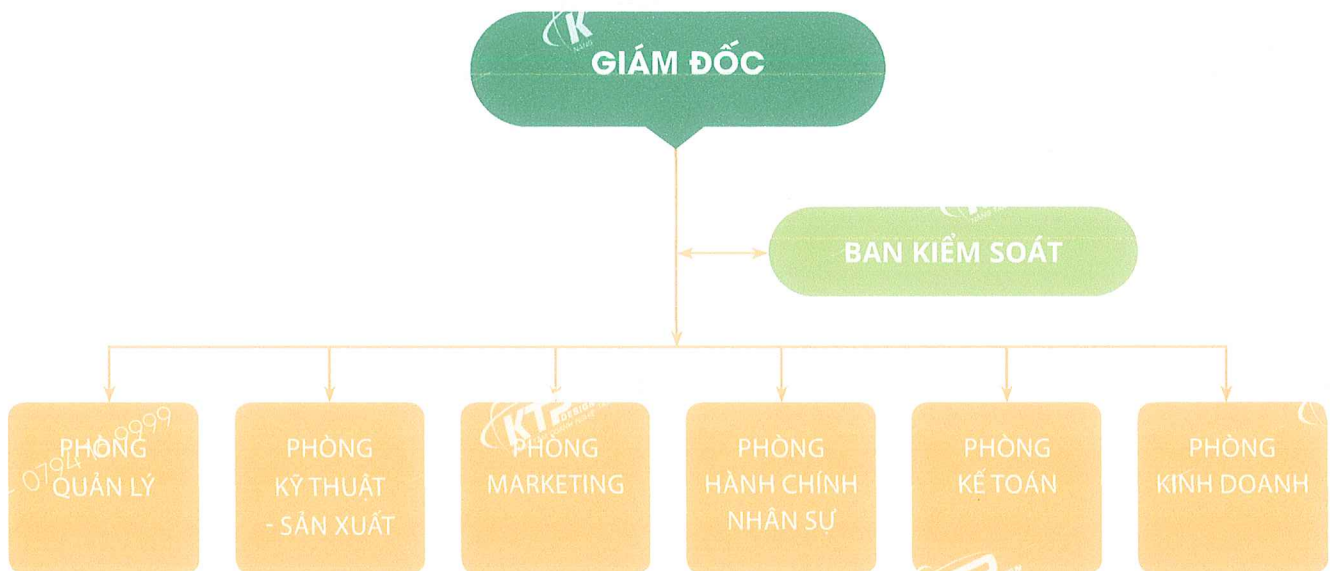
Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Trại Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Trại Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Để tổ chức hoạt động kinh doanh được thuận lợi và đạt hiệu quả cao, CÔNG TY TNHH NHẬT LÂM VIỆT xây dựng bộ máy hoạt động dựa trên nguyên tắc gọn nhẹ – phân quyền rõ ràng – trách nhiệm cá nhân – hiệu quả tối ưu.

Bộ máy quản lý của công ty được phân chia thành các phòng ban chuyên môn, đảm nhận từng chức năng, nhiệm vụ cụ thể. Mặc dù mỗi phòng ban có chức năng riêng biệt nhưng luôn phối hợp chặt chẽ với nhau nhằm đảm bảo quy trình sản xuất – kinh doanh vận hành nhịp nhàng, hiệu quả và chuyên nghiệp.

SẢN PHẨM CUNG CẤP



Gạo Bắc Hương



Gạo Bắc Hương



Gạo Thơm Thái



Gạo ST25



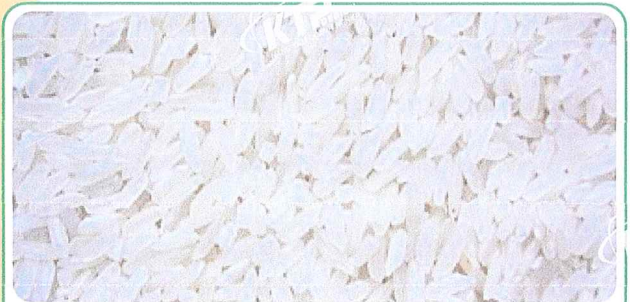
Gạo Nếp Nhung



Gạo Nếp Hoa Vàng



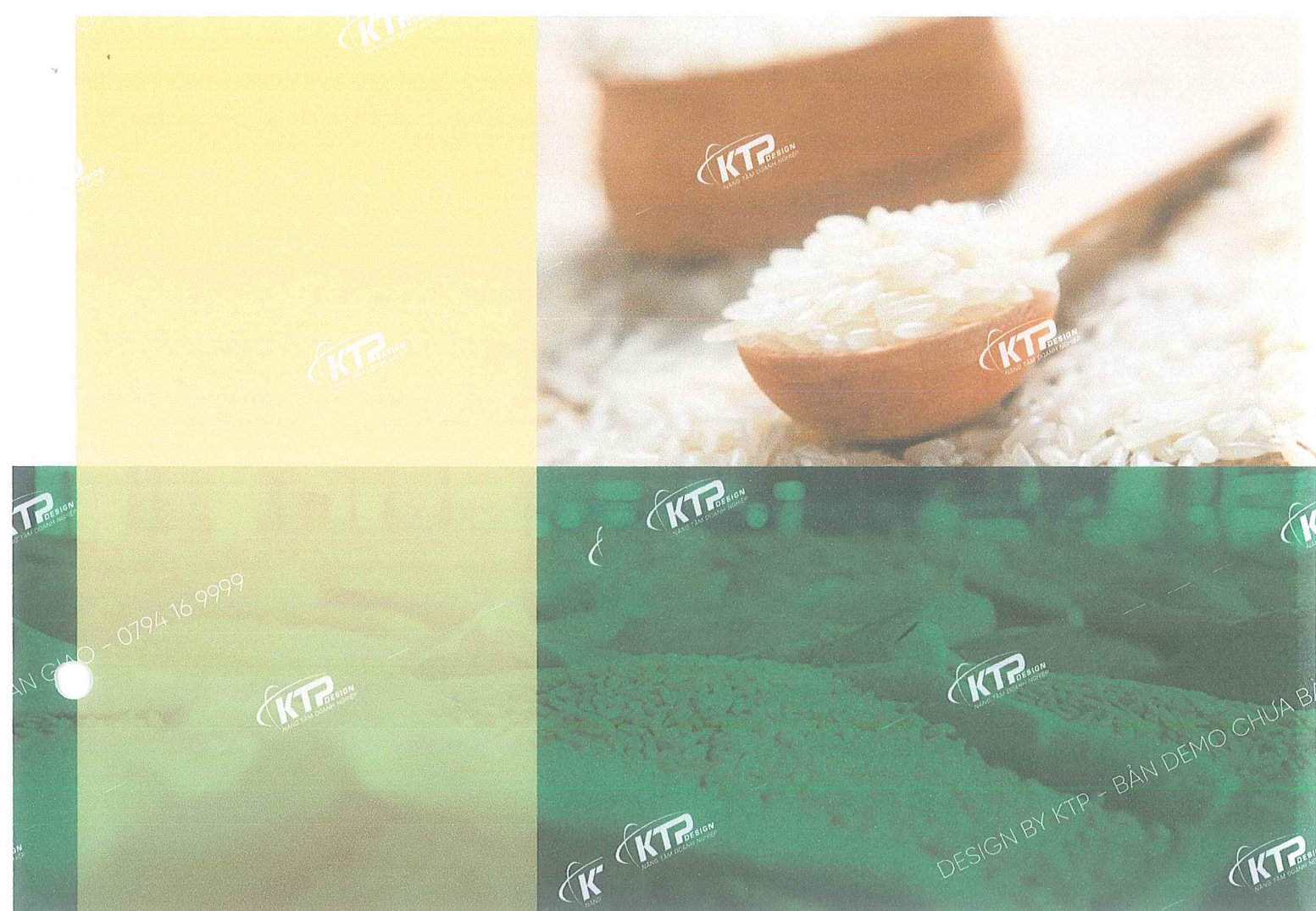
Gạo BC



Gạo 504

HÌNH ẢNH KHO XƯỞNG





CÔNG TY TNHH NHẬT LÂM VN

Địa chỉ: Thôn Trai Trang, Thị trấn Yên Mỹ, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 096 546 0165

Email: ctnhatlamvn@gmail.com

Website: www.gaosachnhatlamvn.com